





CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



 (028) 3829 4623

 metalhcm.com.vn

 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Bảo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

Đánh giá của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Ban điều hành Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

Quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong quá trình hoạt động

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Tên viết tắt: HMC

Trụ sở chính: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ: 272.999.990.000 đồng

Mã chứng khoán: HMC

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 08 năm 2025.



Điện thoại: (028) 3829.4623 - (028) 3823.0078



Fax: (028) 3829 0403 - (028) 38275693



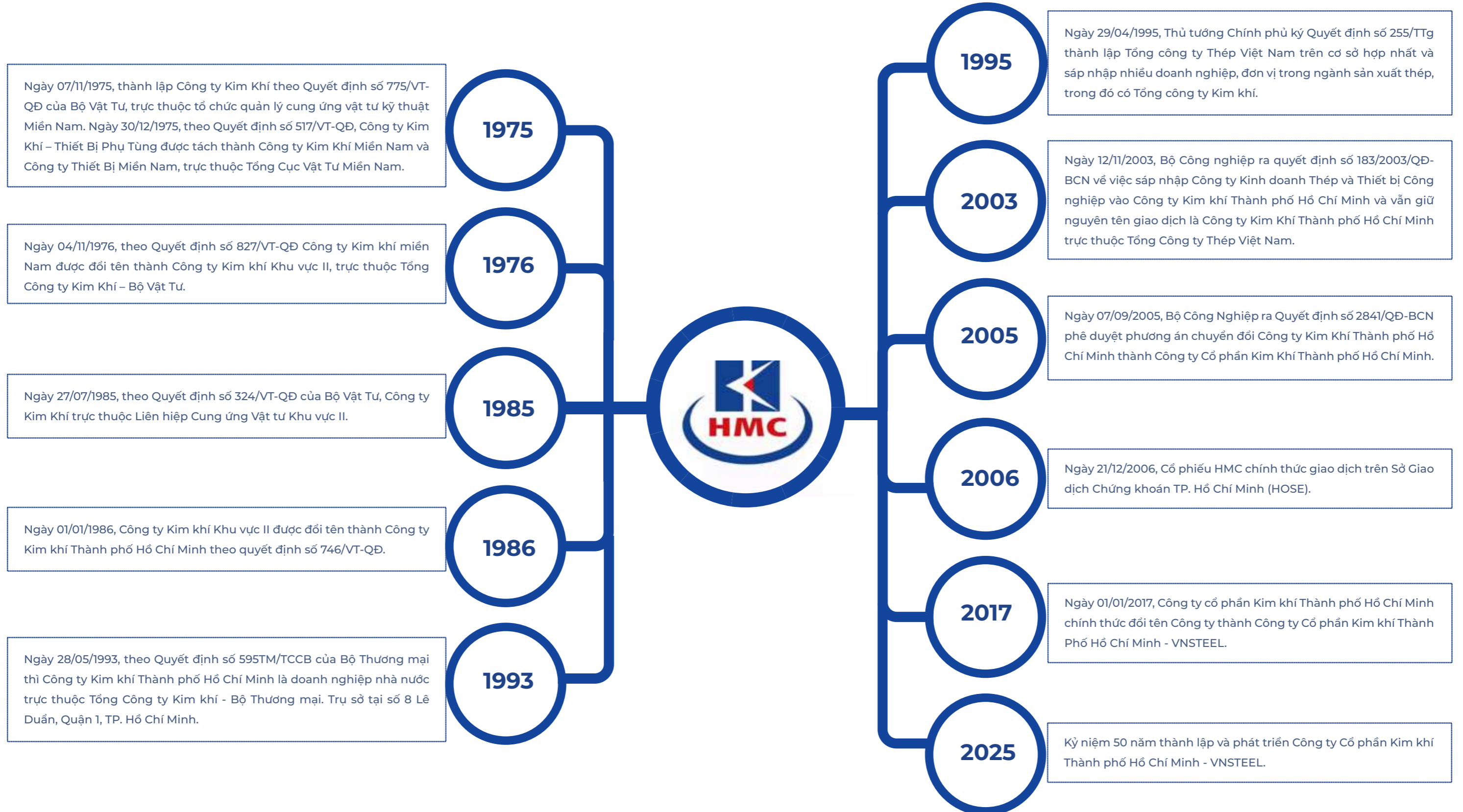
Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn



Website: metalhcm.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC GIẢI THƯỞNG

- » **1995:** Huân chương Lao động Hạng ba - Xuất sắc trong công tác từ năm 1990 - 1994.
- » **2006:** Bằng khen của Bộ Công nghiệp - Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006.
- » **2007:** Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007.
- » **2010:** Huân chương Lao động Hạng nhì - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.
- » **2011:** Cờ thi đua của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.
- » **2012:** Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.
- » **2013:** Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- » **2014:** Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014.
- » **2016:** Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016.



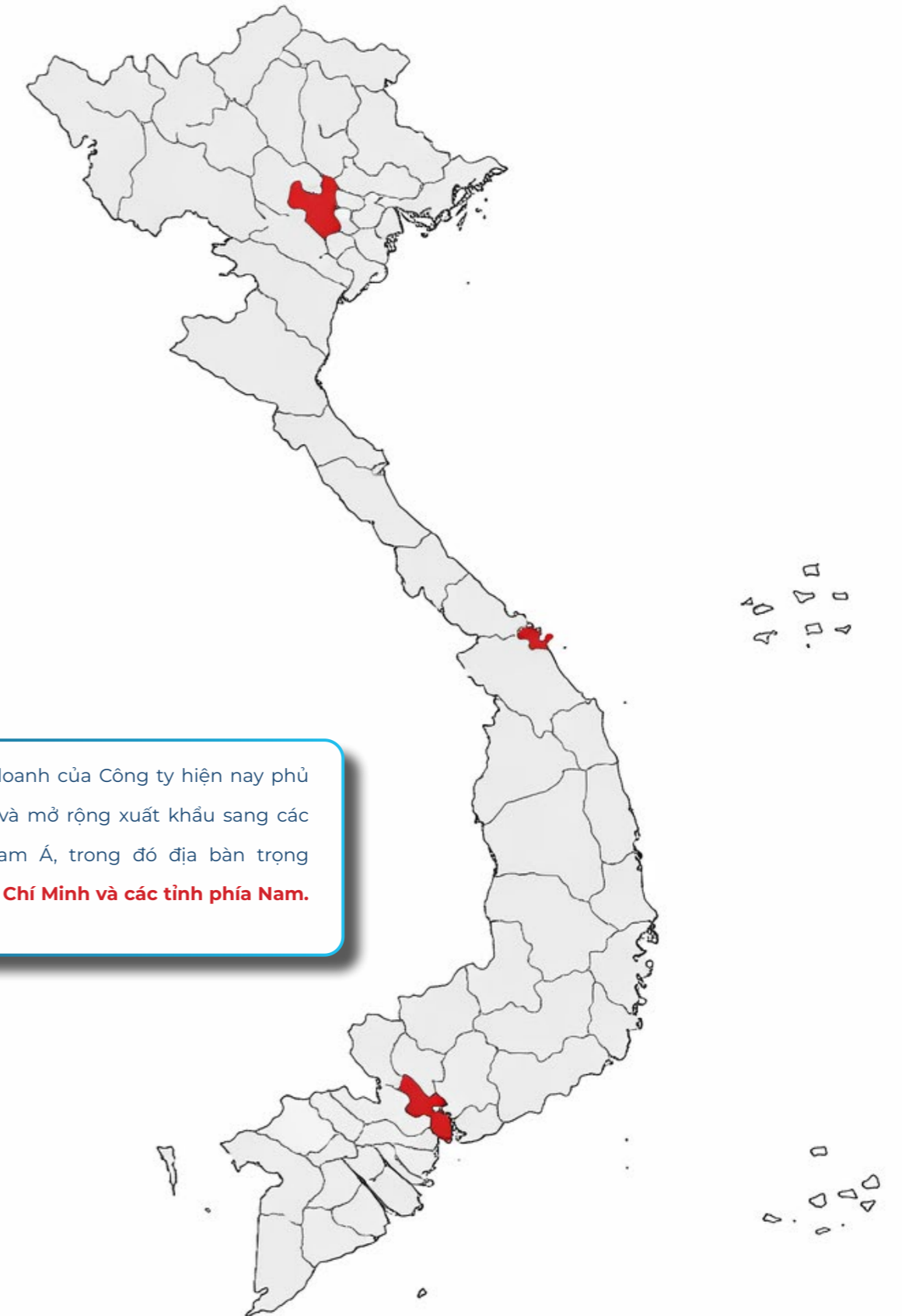
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » **Kinh doanh:** kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phôi thép, thép phế liệu...
- » **Sản xuất, gia công:** chế biến các sản phẩm kim khí.
- » **Dịch vụ:** cho thuê văn phòng, cho thuê kho bãi.



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

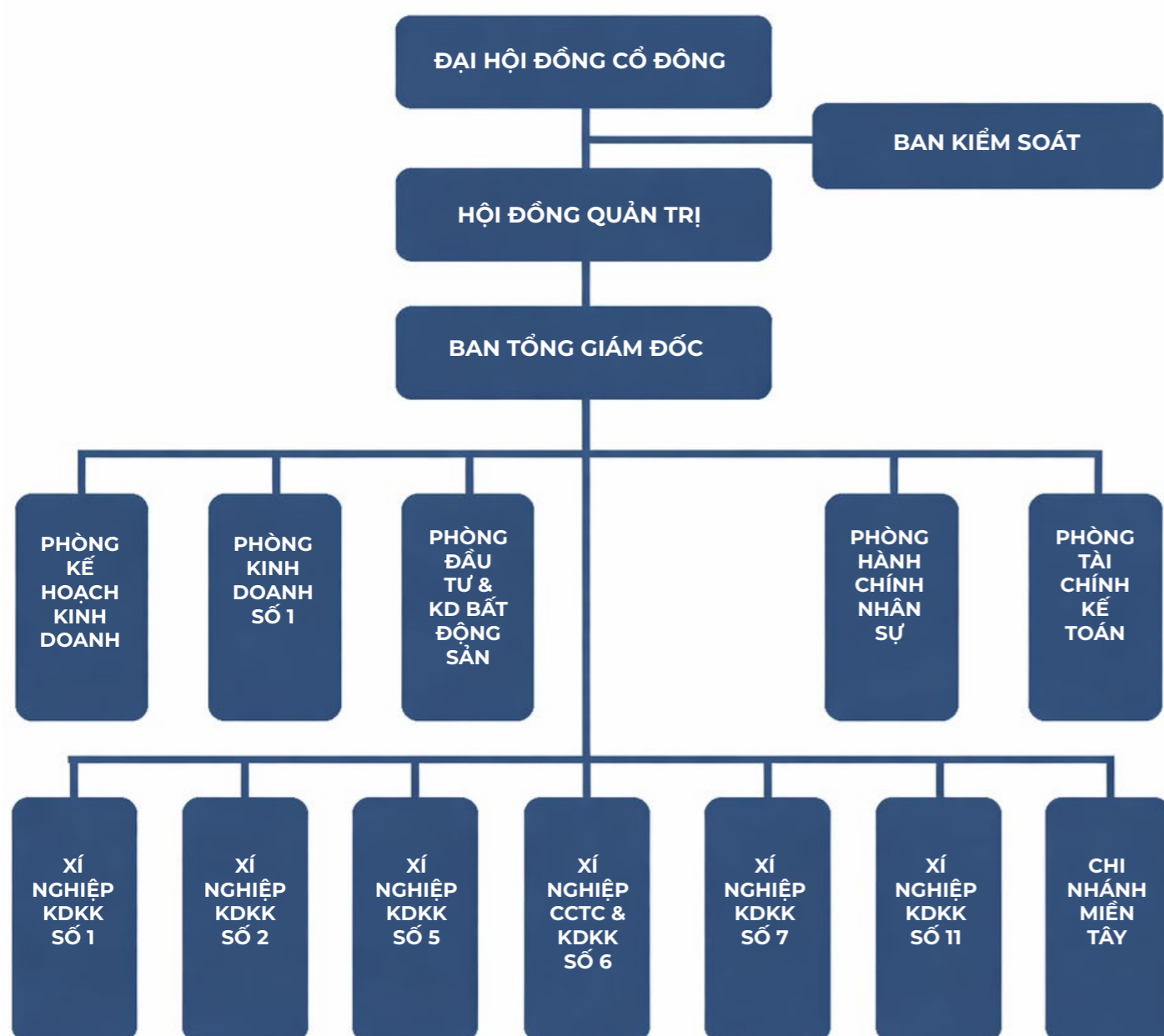


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- » Đại hội đồng cổ đông
- » Hội đồng quản trị
- » Ban kiểm soát
- » Tổng giám đốc

BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 1

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường Hoà Hưng, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38633537 – 0903907500
Fax: (028) 38645012

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 2

Địa chỉ: C35/1 Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 36207696 - 0909341193
Fax: (028) 36206266

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 5

Địa chỉ: Khu Phố 4, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 38960400 – 0903527069
Fax: (028) 38963974

XÍ NGHIỆP CÁN CẮT TẤM CUỘN & KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 6

Địa chỉ: Số 5 Đường số 13, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 37245809 - 0932891000
Fax: (028) 37246206

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 7

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường Hoà Hưng, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 39798038 - 0903302032
Fax: (028) 39798039

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 11

Địa chỉ: C35/1 Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 37654505 - 0913946008
Fax: (028) 37654506

CHI NHÁNH MIỀN TÂY

Địa chỉ: 183 Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: (0292) 3842882 - 0939272879
Fax: (0292) 3842992

TỔNG KHO LINH TRUNG THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Số 5 Đường số 13, Khu phố 50, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0983 808 567

TỔNG KHO VĨNH LỘC

Địa chỉ: C35/1 Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0983 808 567



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu của Công ty cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL là phát triển một hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp hàng hóa và dịch vụ với chất lượng hoàn hảo bảo đảm đáp ứng tốt nhất được nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty tập trung kinh doanh và phát triển các ngành hàng sau:

- » Kinh doanh thép nhập khẩu: mục tiêu tăng trưởng doanh thu 5% mỗi năm.
- » Kinh doanh thép sản xuất trong nước, chủ yếu là thép xây dựng, mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10% mỗi năm.
- » Kinh doanh nguyên liệu đầu vào cho các nhà sản xuất thép trong nước.
- » Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi: tối ưu công suất khai thác, lấp đầy diện tích cho thuê.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – HMC tiếp tục giữ vững chiến lược phát triển bền vững với tầm nhìn dài hạn, chú trọng cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Năm 2025, trong bối cảnh ngành thép đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu và cạnh tranh gay gắt, HMC cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật cũng như chuẩn mực đạo đức kinh doanh để tạo ra giá trị bền vững cho tất cả các bên liên quan.

HMC đặt ưu tiên hàng đầu cho an toàn lao động, sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường tại các khu vực hoạt động. Công ty không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong việc chung tay bảo vệ môi trường và duy trì các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt phù hợp với quy mô và yêu cầu sản xuất hiện nay.

Bên cạnh đó, HMC quyết tâm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho người lao động, góp phần giữ chân và phát huy tối đa nguồn lực nhân sự chất lượng cao. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện và phát triển cộng đồng, khẳng định vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong hành trình phát triển bền vững.

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng tích cực với GDP tăng 8,02%, sản xuất công nghiệp tăng 9,2%, cán cân thương mại xuất siêu 20,03 tỷ USD và lạm phát được kiểm soát ở mức 3,31%. Tuy nhiên, tăng trưởng chưa đồng đều, đặc biệt các lĩnh vực tiêu thụ thép như xây dựng và bất động sản phục hồi chậm, ảnh hưởng đến nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, các yếu tố bất định từ kinh tế toàn cầu, chính sách tiền tệ và rủi ro địa chính trị tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá, chi phí vốn và chuỗi cung ứng.

Trong năm 2025, các thay đổi về chính sách vĩ mô và quản lý ngành thép vừa tạo điều kiện hỗ trợ, vừa tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp thương mại thép nội địa và nhập khẩu.

Việc tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu, có thể làm gia tăng chi phí đầu vào, giảm tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu và ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn hàng. Đồng thời, các chính sách thuế và quy định liên quan có thể thay đổi nhanh, làm gia tăng rủi ro trong công tác dự báo và tuân thủ.

Mặc dù đầu tư công được đẩy mạnh, tiến độ giải ngân trên thực tế chưa đồng đều, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ thép biến động theo từng giai đoạn, gây khó khăn trong công tác lập kế hoạch kinh doanh và quản lý tồn kho.

Bên cạnh đó, định hướng ưu tiên sản xuất trong nước và nâng cao chất lượng sản phẩm có thể làm giảm dần sự phụ thuộc vào thép nhập khẩu, ảnh hưởng đến dự địa tăng trưởng của mảng này.

Ngoài ra, các quy định về môi trường và xu hướng phát triển xanh, bền vững có thể làm gia tăng chi phí trong chuỗi cung ứng, đồng thời tạo áp lực tuân thủ trong bối cảnh các rào cản xanh quốc tế ngày càng gia tăng.

Nhìn chung, mặc dù nền kinh tế vĩ mô duy trì ổn định và có nhiều yếu tố hỗ trợ, hoạt động kinh doanh thép vẫn chịu tác động đáng kể từ sự phục hồi chưa đồng đều của thị trường, cùng với các biến động về chính sách và môi trường kinh doanh. Các rủi ro này đòi hỏi Công ty phải tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, quản trị rủi ro và linh hoạt trong điều hành, nhằm thích ứng kịp thời với biến động thị trường, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và đảm bảo phát triển bền vững.

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ THÉP

Năm 2025, thị trường thép chịu tác động mạnh từ bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, căng thẳng địa chính trị và xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, làm gia tăng rào cản thương mại và biến động cung – cầu. Đáng chú ý, lượng thép xuất khẩu giá rẻ từ Trung Quốc tăng mạnh trong bối cảnh nhu cầu nội địa suy giảm, tạo áp lực giảm giá thép và nguyên liệu trên thị trường quốc tế.

Tại thị trường trong nước, giá thép tiếp tục biến động do tình trạng cung vượt cầu, tiêu thụ một số sản phẩm như HRC, CRC còn chậm, trong khi xuất khẩu suy giảm. Bên cạnh đó, các chính sách thuế và phòng vệ thương mại, cùng với hiện tượng cạnh tranh về giá nhằm xử lý tồn kho và dòng tiền

tại một số thời điểm, khiến diễn biến giá thép trở nên khó dự báo và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Để hạn chế tác động từ biến động giá, Công ty thực hiện quản trị tồn kho theo hướng thận trọng và linh hoạt, bám sát diễn biến giá trong nước và quốc tế để tối ưu thời điểm mua – bán. Đồng thời, Công ty ưu tiên rút ngắn vòng quay hàng tồn kho, hạn chế tích trữ khi xu hướng giá không rõ ràng, kết hợp điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp nhằm cân đối giữa sản lượng tiêu thụ và hiệu quả lợi nhuận. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa nguồn cung và duy trì quan hệ ổn định với các nhà cung cấp lớn giúp Công ty nâng cao khả năng kiểm soát giá vốn.



RỦI RO TỶ GIÁ VÀ TÍN DỤNG

Về rủi ro tỷ giá: Năm 2025, tỷ giá USD/VND tăng trung bình khoảng 3–4% so với cuối năm 2024, làm gia tăng chi phí nhập khẩu thép và ảnh hưởng nhất định đến biên lợi nhuận gộp của Công ty. Trong bối cảnh đó, Công ty chủ yếu thực hiện thanh toán bằng phương thức L/C trả ngay, đồng thời chủ động theo dõi diễn biến tỷ giá để lựa chọn thời điểm mua ngoại tệ phù hợp, qua đó hạn chế một phần tác động bất lợi từ biến động tỷ giá.

Về rủi ro tín dụng: Công ty áp dụng chính sách bán hàng có kiểm soát, kết hợp các biện pháp bảo đảm như thế chấp và bảo lãnh nhằm hạn chế rủi ro phát sinh từ các khoản phải thu. Đồng thời, Công ty thực hiện đánh giá năng lực tài chính và uy tín của khách hàng, kiểm soát chặt chẽ hạn mức tín dụng và thường xuyên rà soát, phân loại công nợ để có biện pháp xử lý kịp thời, góp phần giảm thiểu rủi ro mất vốn và đảm bảo an toàn tài chính.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, Công ty còn có thể đối mặt với những rủi ro mang tính bất định như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật, gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc biến động chính trị. Đây là các yếu tố khó dự báo và có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nếu xảy ra.

Trước các rủi ro này, Công ty chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa như tăng cường quản lý an toàn, duy trì bảo hiểm phù hợp và xây dựng các phương án dự phòng nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động và hạn chế tối đa các tác động bất lợi.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

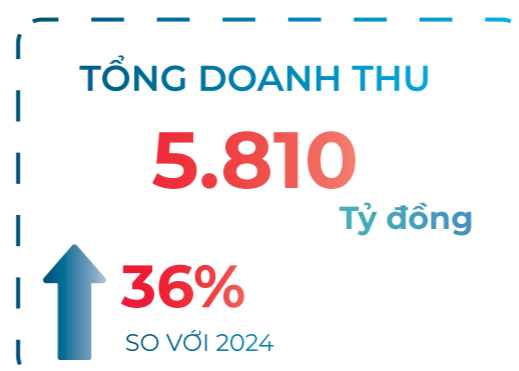
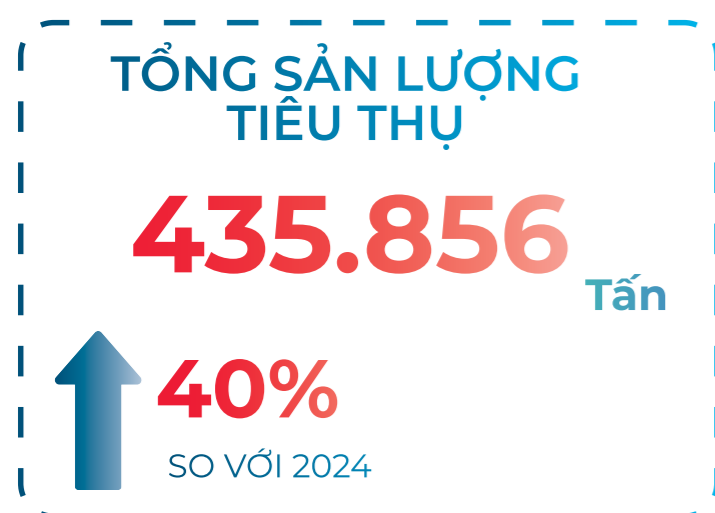
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	%Thay đổi
Tổng doanh thu	4.273,57	5.810,21	135.96%
Tổng chi phí	4.237	5.769	136.15%
Lợi nhuận trước thuế	36,09	41,04	113.69%
Lợi nhuận sau thuế	30,63	31,22	101.92%

Trải qua một năm thị trường đầy biến động với nhiều khó khăn, thách thức đan xen thuận lợi và cơ hội, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của HĐQT, Ban điều hành Công ty và toàn thể người lao động, năm 2025 Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:

- » Tổng sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2025: 435.856 tấn, đạt 136% kế hoạch năm và 140% so với năm 2024.
- » Tổng doanh thu: 5.810 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch năm và đạt 136% so với năm 2024.
- » Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 31,22 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch năm 2025 và đạt 102% so với cùng kỳ 2024.



CƠ CẤU DOANH THU VÀ SẢN LƯỢNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện so với kế hoạch	% thực hiện so với năm 2024
A	DOANH THU	Tỷ đồng	4.235	4.381	5.765	132%	136%
1	Doanh thu dịch vụ	"	80	78	85	109%	106%
2	Doanh hàng hóa	"	4.155	4.303	5.680	132%	137%
B	TỔNG LƯỢNG (I+II+III+IV)	Tấn	310.678	320.000	435.856	136%	140%
I	Thép nhập khẩu	Tấn	51.917	60.000	89.828	150%	173%
1	Kim khí chính phẩm	"	38.758	42.300	74.307	176%	192%
2	Vật tư thứ liệu (SQC) & thép khác	"	13.159	17.700	15.521	88%	118%
II	Thép xây dựng	Tấn	162.166	180.000	220.639	123%	136%
1	Thép Miền Nam	"	63.045	70.000	120.586	172%	191%
2	Thép Vinakyoei	"	46.138	55.000	51.468	94%	112%
3	Nội Khác	"	52.983	55.000	48.585	88%	92%
III	Hàng hoá khác	Tấn	96.595	80.000	125.389	157%	130%
1	Phôi thép	"	70.322	55.000	101.020	184%	144%
2	Thép phế liệu	"	26.273	25.000	24.046	96%	92%
3	Tole & Nguyên vật liệu khác				323		
	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	30,63	26	31,22	120%	102%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 11/03/2026)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân		Số lượng cổ phiếu đại diện	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Phạm Công Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-	6.079.096	22,27%
2	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	-	-	6.079.096	22,27%
3	Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	-	-	3.039.549	11,13%
4	Ông Nguyễn Bá An	Thành viên HĐQT – Độc lập	-	-		
5	Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên HĐQT – Không điều hành	3.566.400	13,06%		

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ÔNG PHẠM CÔNG THẢO

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1977

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế, Cử nhân Kinh doanh Quốc tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: 6.079.096 cổ phần, chiếm 22,27% vốn điều lệ (Đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP)

Quá trình công tác:

03/2000 - 07/2007	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
07/2007 - 05/2010	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Hợp tác Quốc tế Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
05/2010 - 12/2011	Học Thạc sĩ tại Đại học Queensland, Úc
01/2012 - 03/2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch và Hợp tác Quốc tế Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
04/2012 - 09/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Trúc Thôn
09/2013 - 12/2013	Phó Trưởng Phòng Vật tư Xuất nhập khẩu - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
01/2014 - 03/2014	Quyền Trưởng Ban Kế hoạch và Kiểm soát Nội bộ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
04/2014 - 06/2014	Trưởng Ban Kế hoạch và Kiểm soát Nội bộ - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
07/2014 - 08/2016	Trưởng Ban Kế hoạch Thị trường Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
08/2016 - 04/2018	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty LD Sản xuất Thép Vinausteel
04/2018 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
03/2019 - 04/2025	Chủ tịch HĐQT CTCP Gang thép Thái Nguyên
28/06/2021 - Nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
04/2025 - Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



2. ÔNG LÊ VĂN QUANG

Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: 6.079.096 cổ phần, chiếm 22,27% vốn điều lệ (Đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP)

Quá trình công tác:

2001	-	2004	Chuyên viên P.KHKD – CTCP Kim Khí Miền Trung
2004	-	2005	Trưởng Phòng Kinh Doanh Thị Trường - Nhà máy cán thép Miền Trung thuộc CTCP Kim Khí Miền Trung
2005	-	2006	Giám đốc Chi nhánh Quảng Ngãi - CTCP Kim Khí Miền Trung
2007	-	3/2012	Trưởng Phòng KHKD – CTCP Kim Khí Miền Trung
4/2012	-	4/2024	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – CTCP Thép Đà Nẵng
4/2024	-	Nay	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT – CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL



3. BÀ CÙ THỊ THÙY LINH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị – Không điều hành

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Phó ban KHTT Tổng Cty Thép VN, TV BKS Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL, TV HĐQT Công ty CP Thép Đà Nẵng

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: 3.039.549 cổ phần, chiếm 11,13% vốn điều lệ (Đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP)

Quá trình công tác:

1999	-	2003	Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty Điện tử Samsung Vina
2003	-	2007	Chuyên viên P.KHKD Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
2007	-	2014	Chuyên viên Ban Vật tư XNK Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
2014	-	2015	Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
2015	-	Nay	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL
2016	-	Nay	Phó trưởng Ban Kế hoạch thị trường Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
2017	-	Nay	Thành viên HĐQT, Công ty CP Thép Đà Nẵng
2018	-	Nay	Thành viên HĐQT CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL



4. ÔNG NGUYỄN BÁ AN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ: Cử nhân kinh tế; Kỹ sư Hàng hải Khai thác Thủy sản

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

1988	-	1995	Nhân viên Công ty Liên doanh Thủy sản Nha Trang
1996	-	2000	Thuyền trưởng Công ty Đầu tư và Phát triển Du lịch Nha Trang
2001	-	2002	Nhân viên Cảng Nha Trang
2003	-	8/2014	Nhân viên; Phó giám đốc – Chi nhánh Miền Trung – VNSTEEL
9/2014	-	1/2016	Phó giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Thép An Hưng Tường
2/2016	-	5/2024	Nhân viên; Phó trưởng phòng Kinh doanh – Cty TNHH MTV Thép Miền Nam
4/2024	-	Nay	Thành viên HĐQT - CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



3. BÀ NGUYỄN THÚY LY

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân Vật lý

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Thành viên HĐQT – CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: 3.566.400 cổ phần, chiếm 13,06% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

1988	-	Nay	Giảng dạy tại trường THPT Trần Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
2023	-	Nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
4/2024	-	Nay	Thành viên HĐQT - CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Ông Võ Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	23/04/2024	14/04/2025
2	Ông Phạm Công Thảo	Chủ tịch HĐQT	14/04/2025	-

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

(Tính tại ngày 11/03/2026)

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân		Số lượng cổ phiếu đại diện	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát/ CBTT	6.500	0,024%	-	-
2	Ông Hà Văn Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	7.730	0.028%	-	-



LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT



1. BÀ HOÀNG LÊ ÁNH

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ: Cử nhân Tài chính và kế toán

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát, Người ủy quyền Công bố thông tin

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: 6.500 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

1993	-	1997	Nhân viên kế toán tại Nhà máy cơ khí Luyện Kim thuộc Công ty Thép Miền Nam
1997	-	2003	Nhân viên kế toán Nhà máy thép Nhà Bè
2003	-	2006	Kế toán trưởng Nhà máy thép Nhà Bè
2007	-	2010	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
2010	-	2014	Chuyên viên Ban TCKT Tổng Công ty Thép VN
2012	-	2015	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cơ khí Luyện Kim
2012	-	2015	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận
2012	-	Nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL



2. ÔNG HÀ VĂN SƠN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981

Trình độ: Kỹ sư Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Chuyên viên Ban Công nghệ thông tin – Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2004	-	2005	Chuyên viên phòng Công nghệ Thông tin – Tổng công ty Thép Việt Nam
2005	-	2008	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế và Công nghệ Thông tin – Tổng công ty Thép Việt Nam
2008	-	2020	Chuyên viên Văn Phòng – Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
2020	-	2021	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Truyền thông – Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
2021	-	Nay	Chuyên viên Ban Công nghệ Thông tin – Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP
2024	-	Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL



3. BÀ ĐOÀN THỊ THANH THÚY

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: 7.730 cổ phần chiếm 0,028% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2002	-	2007	Kế toán Công ty TNHH Thái Nam
2007	-	4/2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH TMDV Điện Tử Viễn Thông Trần Anh
2013	-	12/2025	Nhân viên Ban quản lý tòa nhà nay là P.ĐT& KDBĐS - Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
12/2025	-	Nay	Nhân viên Phòng Kinh doanh số 1 CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
2016	-	Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính tại ngày 11/03/2026)

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân		Số lượng cổ phiếu đại diện	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-	6.079.096	22,27%
2	Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
3	Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	-	-	-	-

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

1. ÔNG LÊ VĂN QUANG

Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc

Vui lòng xem tại mục Hội đồng quản trị



2. BÀ LÊ THỊ NGUYỆT

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư luyện kim

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2000	-	2002	Nhân viên Công ty liên doanh sản xuất Thép Việt Úc
2002	-	2005	Nhân viên Nhà máy Thép Phú Mỹ - Công ty Thép Miền Nam
2005	-	2006	Phó phòng TCHC Nhà máy Thép Phú Mỹ - Công ty Thép Miền Nam
2007	-	2015	Phó phòng Kế hoạch Vật tư Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL
2015	-	2022	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL
2022	-	Nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL.



3. ÔNG LẠI VĂN QUYỀN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: TV HĐQT Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2003	-	2006	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu
2006	-	2008	Chuyên viên Tổng Công ty XDCT giao thông 1
2008	-	2013	Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng công trình 675
2013	-	2016	Chuyên viên bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoei
2016	-	2017	Quyển phó bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoei
2017	-	2019	Phó phòng TCKT- CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
2019	-	Nay	Thành viên HĐQT CTCP Thép tấm lá Thống Nhất
2019	-	2022	Kế toán trưởng- CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
2022	-	Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



4. BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1981

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất

Số cổ phần đại diện sở hữu:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

7/2005	-	7/2007	Kế toán viên Công ty TNHH Uni- President Việt Nam
8/2007	-	12/2010	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Bách Khoa
1/2011	-	3/2016	Tổ trưởng kế toán Xí nghiệp 6, CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
4/2016	-	7/2018	Kế toán tổng hợp CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
8/2018	-	5/2022	Phó phòng TCKT CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
6/2022	-	1/2023	Trưởng phòng TCKT CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
2/2023	-	Nay	Kế toán trưởng CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
9/2016	-	Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất



TÌNH HÌNH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	160	100,00%	160	100,00%
Trên Đại học	1	0,63%	1	0,63%
Trình độ Đại học, Cao đẳng	98	61,25%	106	66,25%
Trình độ Sơ cấp, Trung cấp	18	11,25%	13	8,13%
Công nhân kỹ thuật	2	1,25%	1	0,63%
Lao động phổ thông	41	25,63%	39	24,38%
Theo giới tính	160	100,00%	160	100,00%
Nam	110	68,75%	111	69,38%
Nữ	50	31,25%	49	30,63%
Theo thời hạn HĐLĐ	160	100,00%	160	100,00%
Thời vụ	2	1,25%	1	0,63%
Có thời hạn	33	20,63%	39	24,38%
Không thời hạn	125	78,13%	120	75,00%
Tổng cộng	160		160	

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động	158	160	160
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	21.190.000	22.450.000	25.200.000

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về đào tạo:

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ. Công ty chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.

Về tuyển dụng

Công ty tìm kiếm nhân sự dựa trên nguyên tắc công bằng – minh bạch, có phẩm chất tốt, năng lực, thái độ và có thể gắn bó lâu dài với Công ty. Việc tuyển dụng nhân sự sẽ phụ thuộc vào nhu cầu vị trí và trình độ của ứng viên trong thời điểm tuyển dụng.

Về môi trường làm việc:

Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, với chế độ đãi ngộ tương xứng với đóng góp và trong một số trường hợp cao hơn quy định của pháp luật. Điều kiện làm việc được duy trì và cải thiện thường xuyên, bao gồm trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng chăm sóc đời sống người lao động thông qua các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, đào tạo nghiệp vụ và tăng cường gắn kết nội bộ, qua đó xây dựng môi trường làm việc an toàn, tích cực và bền vững, tạo động lực để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài.

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Năm 2025, Công ty tiếp tục áp dụng hệ thống trả lương theo phương pháp 3P, được triển khai từ năm 2016, nhằm xây dựng cơ chế trả lương thống nhất, minh bạch và gắn với vị trí công việc, năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của người lao động. Thu nhập của người lao động được xác định trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và mặt bằng thị trường lao động.

Thu nhập của cán bộ công nhân viên bao gồm lương cố định, lương hiệu quả, các khoản phụ cấp (nếu có) và tiền thưởng. Mức lương được xác định trong dải lương của từng vị trí theo hệ thống thang – ngạch lương của Công ty, bảo đảm tính công bằng nội bộ và cạnh tranh bên ngoài. Hệ thống này được rà soát, điều chỉnh khi có sự thay đổi về điều kiện thị trường hoặc định hướng phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chính sách thưởng gắn với hiệu quả công việc, năng suất lao động và kết quả kinh doanh nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả và gắn bó lâu dài.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ SỬA CHỮA NÂNG CẤP TÀI SẢN

- » **Dự án kho Miền Tây:** Do chưa tìm được mặt bằng phù hợp để đầu tư nên dự án chưa thể triển khai. Công ty vẫn đang tiếp tục tìm kiếm địa điểm đáp ứng các tiêu chí đã được phê duyệt.
- » **Dự án khu phức hợp tại Linh Trung:** dự án đang triển khai các bước thủ tục đầu tư, Công ty đang làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.HCM để thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thuê đất và đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu. Hiện đang chờ các sở, ban, ngành trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê duyệt.
- » **Sửa chữa nâng cấp các hệ thống kỹ thuật Tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai:** Đã thực hiện một phần hạng mục hệ thống lạnh của tòa nhà; các hạng mục còn lại dự kiến tiếp tục triển khai trong năm 2026.
- » **Đầu tư nâng cấp máy lạnh cho hai tầng 7 – 8 của tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng:** Đã hoàn thành công tác thiết kế, lập dự toán và báo cáo kinh tế – kỹ thuật. Dự kiến hoàn thành trong Quý II năm 2026.
- » **Sửa chữa dây chuyền máy máy xả tôn cuộn 8 – 20mm:** Do đặc thù kỹ thuật và tình trạng thiết bị đã qua nhiều năm sử dụng, dây chuyền cần được sửa chữa lớn để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trên thị trường. Việc điều chỉnh phương án sửa chữa có thể làm tăng tổng mức đầu tư dự kiến từ 1,5 tỷ đồng (năm 2025) lên khoảng 3 tỷ đồng (năm 2026). Công ty đang lựa chọn đối tác có năng lực để triển khai phương án sửa chữa tối ưu



TÌNH HÌNH CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- » Góp vốn đầu tư vào **Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất** 14 tỷ đồng (từ năm 2007). Tổng số tiền dự phòng trích lập đến 31/12/2025 là: 11,3 tỷ đồng, tăng 2,83 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2025 (theo số liệu BCTC Công ty thép Tấm Lá Thống Nhất lũy kế đến 31/12/2025 vẫn còn là 108 tỷ đồng).
- » **Cổ phiếu Thép Nhà Bè:** Số lượng cổ phiếu tại ngày 31/12/2025 là 1.449.000 cổ phiếu. Công ty trích lập dự phòng đến ngày 31/12/2025 là 8,79 tỷ đồng, giảm 658 triệu đồng so với thời điểm 01/01/2025.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	1.366,5	1.726,7	126,36%
Doanh thu thuần	4.235,46	5.764,53	136,10%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35,25	40,96	116,22%
Lợi nhuận khác	0,85	0,08	9,07%
Lợi nhuận trước thuế	36,09	41,04	113,69%
Lợi nhuận sau thuế	30,63	31,21	101,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8% vốn điều lệ	Dự kiến 8% vốn điều lệ	



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

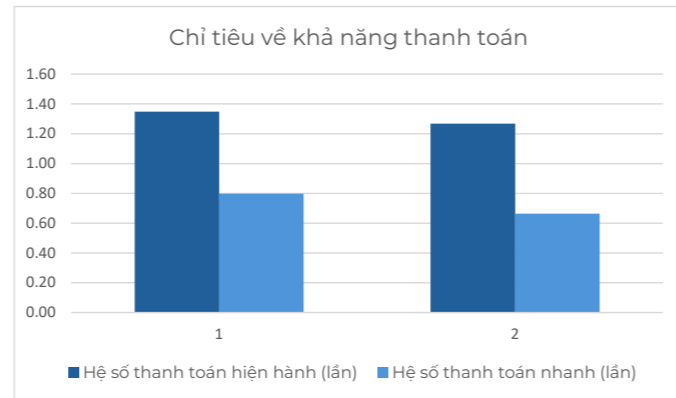
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,35	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	0,80	0,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,34	3,16
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	9,65	8,73
Vòng quay Tổng tài sản	3,20	3,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,72%	0,54%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,58%	7,54%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,02%	2,31%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,83%	0,71%



NHẬN XÉT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

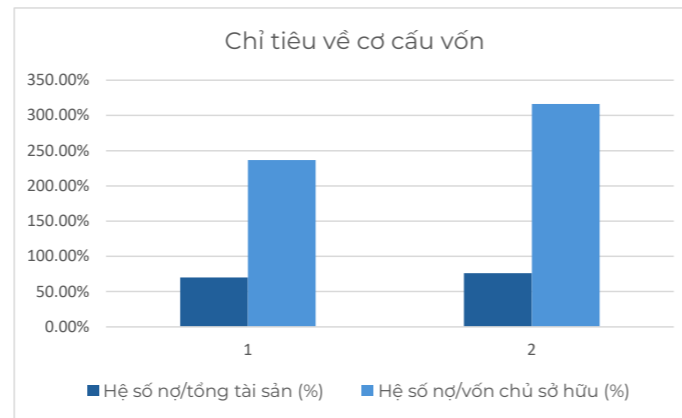
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, khả năng thanh toán của HMC có xu hướng suy giảm nhẹ. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,35 lần xuống 1,27 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,80 lần xuống 0,66 lần. Diễn biến này cho thấy mức độ đảm bảo các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng tài sản có tính thanh khoản cao giảm so với năm trước, phản ánh biên an toàn thanh khoản thu hẹp trong bối cảnh nhu cầu vốn lưu động gia tăng phục vụ hoạt động kinh doanh.



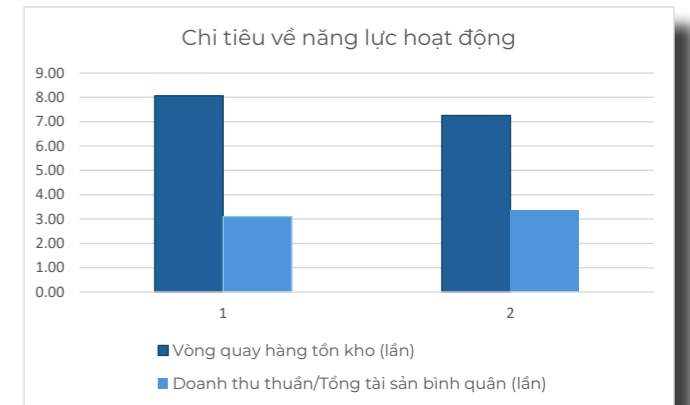
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu nguồn vốn của HMC trong năm 2025 có sự thay đổi theo hướng gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính. Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 0,70 lần lên 0,76 lần, đồng thời hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 2,34 lần lên 3,16 lần. Điều này phản ánh mức độ phụ thuộc vào vốn vay cao hơn, đồng thời tạo dư địa để mở rộng hoạt động trong ngắn hạn, trong khi Công ty vẫn kiểm soát rủi ro tài chính một cách thận trọng.



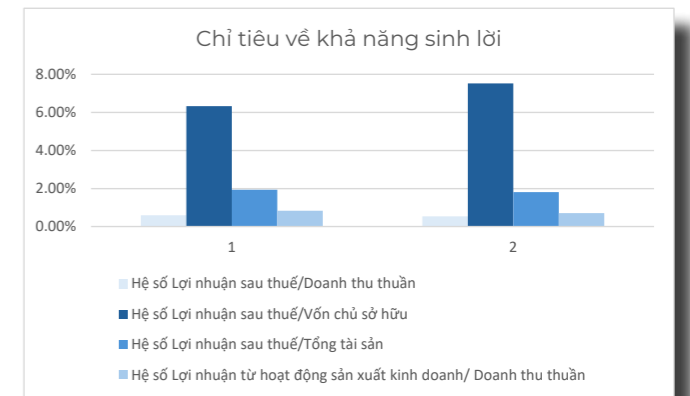
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2025 có sự biến động. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 9,65 vòng xuống 8,73 vòng, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm lại so với năm trước, phù hợp với diễn biến thị trường tiêu thụ còn khó khăn. Ngược lại, vòng quay tổng tài sản tăng từ 3,20 vòng lên 3,73 vòng, cho thấy doanh nghiệp đã cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản trong việc tạo ra doanh thu, thể hiện nỗ lực duy trì hiệu quả hoạt động trong điều kiện thị trường không thuận lợi.



4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu sinh lời của HMC trong năm 2025 nhìn chung vẫn duy trì sự ổn định và có những tín hiệu cải thiện tích cực. Biên lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm nhẹ từ 0,72% xuống 0,54%, tuy nhiên mức biến động không lớn và vẫn phản ánh khả năng duy trì lợi nhuận trong bối cảnh chi phí và thị trường có nhiều biến động. Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ 7,58% xuống 7,54%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu vẫn ổn định, đồng thời việc tận dụng đòn bẩy tài chính được kiểm soát thận trọng để hỗ trợ sinh lời. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng nhẹ từ 2,02% lên 2,31% cho thấy Công ty sử dụng tổng tài sản hiệu quả hơn để tạo lợi nhuận, đồng thời duy trì khả năng sinh lời trong bối cảnh mở



rộng quy mô tài sản phục vụ tăng trưởng dài hạn. Đồng thời, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 0,71%, tiếp tục cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp vẫn được duy trì ổn định và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Mã chứng khoán	HMC
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tổng số cổ phần đã phát hành	27.299.999 cổ phiếu
Tổng số cổ phần đang lưu hành	27.299.999 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Không có
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

(Tính tại ngày 11/03/2026)

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu / VĐL (%)
1	Tổng công ty Thép Việt Nam	15.197.741	55,67%
2	Nguyễn Thuý Ly	3.566.400	13,06%
Tổng cộng		18.764.141	68,98%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm Công ty không có thay đổi về vốn điều lệ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không phát sinh trong năm 2025

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không phát sinh trong năm 2025

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Tính tại ngày 11/03/2026)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	18.764.141	68,98%	2	1	1
	- Trong nước	18.764.141	68,98%	2	1	1
	- Nước ngoài					
4	Công đoàn công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	8.535.858	31,02%	1.086	13	1.073
	- Trong nước	8.438.471	30,67%	1.049	6	1.043
	- Nước ngoài	97.387	0,35%	37	7	30
Tổng cộng		27.299.999	100,00%	1.088	14	1.074
Trong đó: - Trong nước		27.202.612	99,65%	1.051	7	1.044
- Nước ngoài		97.387	0,35%	37	7	30

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL (HMC) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại thép và dịch vụ. Do đặc thù hoạt động không tập trung vào sản xuất công nghiệp quy mô lớn, lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp phát sinh từ hoạt động của Công ty được đánh giá ở mức không đáng kể so với các doanh nghiệp sản xuất trong ngành.

Trong quá trình vận hành, Công ty luôn chú trọng kiểm soát việc sử dụng năng lượng đầu vào nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và tối ưu chi phí hoạt động. Bên cạnh hoạt động thương mại, Công ty có thực hiện gia công sắt thép với quy mô nhỏ. Hoạt động này được quản lý chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong năm được tổng hợp như sau:

Phạm vi và danh mục	ĐVT	Tổng lượng tiêu thụ trong năm	Lượng phát thải/năm (tons CO2 eq.)
Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp			
Xăng dùng cho xe công ty	lít	11.992	27,6
Dầu Diesel dùng cho xe công ty	lít	3.655	10
Dầu Diesel dùng cho máy phát điện	lít	460	1,24
Dầu Deisel dùng cho xe nâng	lít	3.739	11
Gas dùng cho hệ thống lạnh	kg	270	563,76
Phát thải từ nước thải (theo đầu người)	Người/ tháng	160	6,64
Tổng lượng phát thải trực tiếp			609,24
Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp			
Điện	kwh	1.661.481	1.199,76



Tổng phát thải trực tiếp: 609,24 tấn CO₂eq

Tổng phát thải gián tiếp từ điện năng: 1.199,76 tấn CO₂eq

Nhằm góp phần giảm thiểu tác động môi trường, Công ty triển khai nhiều biện pháp quản lý và sử dụng năng lượng hiệu quả, bao gồm:

- » Tăng cường tuyên truyền trong toàn thể cán bộ công nhân viên về ý thức tiết kiệm điện, nước và sử dụng hiệu quả tài nguyên.
- » Lắp đặt bảng thông báo, poster nhắc nhở tắt thiết bị điện khi không sử dụng.
- » Mở rộng chương trình tiết kiệm năng lượng đến các đơn vị thuê văn phòng trong tòa nhà, khuyến khích sử dụng thiết bị tiết kiệm điện.
- » Theo dõi định kỳ các chỉ số tiêu thụ điện, nước để phân tích và kiểm soát mức tiêu thụ.
- » Thay thế dần các thiết bị chiếu sáng cũ bằng hệ thống đèn tiết kiệm năng lượng.
- » Bảo trì, kiểm tra định kỳ hệ thống máy móc nhằm đảm bảo vận hành ổn định và hạn chế thất thoát năng lượng.
- » Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, hạn chế phát sinh chất thải ra môi trường.
- » Kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- » Khuyến khích và ghi nhận các sáng kiến cải tiến trong việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh sắt thép, cho thuê văn phòng, khai thác kho bãi và gia công sắt thép.

Trong hoạt động thương mại, phần lớn hàng hóa được nhập và bán ra nguyên đai nguyên kiện, do đó không phát sinh nhiều tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình kinh doanh. Nguyên vật liệu chủ yếu được sử dụng trong hoạt động gia công sắt thép.

Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ quá trình sử dụng nguyên vật liệu nhằm hạn chế thất thoát và lãng phí. Phần dư và phế liệu phát sinh sau quá trình gia công được thu hồi và bán lại dưới dạng phế liệu, nhờ đó hoạt động gia công sắt thép của Công ty hầu như không gây tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Tiêu thụ trực tiếp:

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, Công ty không sử dụng nhiều máy móc thiết bị sản xuất. Điện năng là nguồn năng lượng chính phục vụ cho hoạt động văn phòng, kho bãi và vận hành tòa nhà.

Tổng lượng điện tiêu thụ của toàn Công ty trong năm 2025, bao gồm các tòa nhà và hệ thống kho bãi, là 1.661.481 kWh/năm. Mức tiêu thụ này được đánh giá phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại và duy trì ổn định so với năm trước.

Tiêu thụ gián tiếp:

Hoạt động vận chuyển hàng hóa nhập – xuất được Công ty thuê dịch vụ vận tải bên ngoài, với khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn trong mỗi chuyến. Do đó, chi phí nhiên liệu cho hoạt động này được phân bổ ở mức không đáng kể trong tổng mức phát thải của Công ty.

Các chuyến công tác của nhân viên cũng được sắp xếp hợp lý theo khu vực địa lý và kế hoạch công việc nhằm hạn chế số lần di chuyển và tối ưu chi phí nhiên liệu.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty nhận thức rõ việc sử dụng năng lượng hiệu quả không chỉ giúp giảm chi phí hoạt động mà còn góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng hạn chế.

Do đó, Công ty thường xuyên khuyến khích cán bộ công nhân viên:

- » Nâng cao ý thức tiết kiệm điện trong quá trình làm việc
- » Sử dụng các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao
- » Hưởng ứng các chương trình cộng đồng như Giờ Trái Đất và các hoạt động nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng
- » Những sáng kiến này góp phần thúc đẩy văn hóa sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển bền vững trong toàn Công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên thiết yếu cho đời sống và hoạt động kinh tế. Việc sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

Nguồn nước sử dụng tại Công ty được cung cấp từ hệ thống nước thủy cục của Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty không khai thác nguồn nước ngầm.

Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt trong năm 2025 là 10.207 m³, duy trì ổn định so với các năm trước. Công ty luôn triển khai các biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế lãng phí và nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong toàn thể cán bộ công nhân viên.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và thường xuyên cập nhật các quy định mới có liên quan.

Hoạt động quan trắc môi trường được thực hiện đúng tần suất theo quy định, các kết quả phân tích đều đạt yêu cầu. Đồng thời, Công ty thực hiện đầy đủ báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.

Các biện pháp tuân thủ môi trường bao gồm:

- » Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định pháp luật.
- » Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, quản lý và xử lý theo các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường hiện hành.
- » Thu gom, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- » Duy trì vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Công ty cam kết tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trong quá trình hoạt động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài tập trung vào hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty ý thức thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các hoàn cảnh khó khăn, Công ty không chỉ san sẻ bớt những khó khăn mà họ gặp phải mà cũng đem lại hình ảnh đẹp cho Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tận dụng nguồn lao động tại chỗ và tạo công ăn, việc làm cho họ.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình thị trường

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm do tác động của căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, xung đột Nga – Ukraina và các chính sách thuế đối ứng của Mỹ, làm gia tăng rào cản, áp lực lên thương mại quốc tế.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng khoảng 8,02%, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh trên thế giới, với nhiều tín hiệu tích cực như: chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,2% (cao hơn đáng kể so với mức 8,2% của năm 2024), cán cân thương mại xuất siêu hơn 20,03 tỷ USD, lạm phát được kiểm soát với CPI bình quân tăng 3,31% so với năm 2024.

Tuy nhiên, thị trường thép nhìn chung vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức cả trong nước lẫn quốc tế. Xuất khẩu thép giá rẻ từ Trung Quốc – quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới – tăng lên mức kỷ lục (tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2024, đạt hơn 119 triệu tấn), chủ yếu do thị trường bất động sản trong nước suy thoái, kéo theo nhu cầu tiêu thụ giảm.

Diễn biến này gây áp lực làm giảm giá thép và giá các nguyên liệu đầu vào trên thị trường quốc tế. Đồng thời, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại tại nhiều quốc gia cũng khiến môi trường kinh doanh ngành thép trở nên phức tạp và khó dự báo hơn.

THỊ TRƯỜNG THÉP TRONG NƯỚC

Giá thép thành phẩm trong nước biến động do tình trạng cung vượt cầu, cùng với tác động từ chính sách thuế của Việt Nam đối với thép nhập khẩu, đặc biệt là thép có xuất xứ từ Trung Quốc. Năm 2025 ghi nhận nhiều vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá giữa các quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vừa chịu tác động từ các biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài, vừa chủ động áp dụng các biện pháp tạm thời đối với thép nhập khẩu giá rẻ nhằm bảo vệ sản xuất trong nước. Diễn biến này ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động xuất khẩu thép, đồng thời gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường nội địa.

Nguồn cung của ngành thép trong nước tiếp tục vượt nhu cầu; tiêu thụ các sản phẩm HRC, CRC chậm; chịu ảnh hưởng của thời tiết cực đoan; xuất khẩu suy giảm. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng khiến mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, thị trường biến động nhanh và khó dự báo. Đáng chú ý, tại một số thời điểm, một số doanh nghiệp thương mại áp dụng chính sách bán hàng với mức giá thấp hơn giá từ nhà sản xuất nhằm cân đối dòng tiền, tăng tốc độ quay vòng vốn hoặc xử lý áp lực tài chính ngắn hạn, chưa đặt trọng tâm vào hiệu quả kinh doanh. Điều này càng làm gia tăng áp lực cạnh tranh và khiến thị trường thép trở nên khốc liệt hơn.

Bên cạnh đó, các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trọng điểm như tuyến cao tốc Bắc – Nam, sân bay Sân bay Long Thành, các tuyến đường vành đai, Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ và hệ thống cảng biển lớn tiếp tục được thúc đẩy triển khai. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện nhìn chung vẫn còn chưa đạt kỳ vọng; tính đến ngày 31/12/2025, tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công trên cả nước đạt 755 nghìn tỷ đồng, tương đương 83,7% kế hoạch năm, cho thấy việc thúc đẩy nhu cầu thép từ khu vực đầu tư công vẫn còn dư địa lớn trong giai đoạn tới.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
1	Sản lượng				
	Thép nhập khẩu	Tấn	51,917	89,828	173,02%
	Thép xây dựng	Tấn	162,166	220,639	136,06%
	Phôi thép, thép phế liệu	Tấn	96,595	125,389	129,81%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.235,46	5.764,53	136,10%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,63	31,22	101,93%
4	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	409,31	414,85	101,35%
5	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.366,52	1.726,7	127,01%
6	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,72%	0,54%	75,00%
7	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,54%	7,58%	100,54%
8	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	2,31%	2,02%	87,20%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1 Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/2024
Tài sản ngắn hạn	1.257,6	92,03%	1.627,3	94,24%	129,40%
Tài sản dài hạn	108,92	7,97%	99,388	5,76%	91,24%
Tổng tài sản	1.366,52	100%	1.726,7	100%	126,36%

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.726,7 tỷ đồng, tăng 26,36% so với năm 2024, cho thấy quy mô hoạt động của Công ty tiếp tục được mở rộng. Cơ cấu tài sản tiếp tục duy trì theo hướng tập trung vào tài sản ngắn hạn, với tỷ trọng tăng từ 92,03% lên 94,24%, trong khi tài sản dài hạn giảm tỷ trọng xuống 5,76%.

Tài sản ngắn hạn đạt 1.627,3 tỷ đồng, tăng 29,40% so với năm trước, phản ánh việc Công ty chủ động tăng cường nguồn vốn lưu động nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản dài hạn đạt 99,39 tỷ đồng, giảm 8,76% so với năm 2024, chủ yếu do ảnh hưởng của khấu hao tài sản trong kỳ và việc Công ty chưa phát sinh các khoản đầu tư dài hạn quy mô lớn trong năm.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản năm 2025 cho thấy Công ty tiếp tục duy trì định hướng tối ưu hóa nguồn lực cho hoạt động kinh doanh ngắn hạn, qua đó hỗ trợ nâng cao tính linh hoạt tài chính và đáp ứng kịp thời nhu cầu vận hành trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/ 2024
Nợ ngắn hạn	932,99	97,47%	1.283,19	97,82%	137,54%
Nợ dài hạn	24,22	2,53%	28,65	2,18%	118,29%
Tổng nợ phải trả	957,21	100%	1.311,84	100%	137,05%

Năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 1.311,84 tỷ đồng, tăng 37,05% so với mức 957,21 tỷ đồng của năm 2024. Sự gia tăng này phản ánh nhu cầu sử dụng nguồn vốn vay để hỗ trợ mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Cơ cấu nợ của Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu vào nợ ngắn hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 1.283,2 tỷ đồng, tăng 37,54% so với năm trước và chiếm 97,82% tổng nợ phải trả. Điều này cho thấy Công ty chủ động sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khi đó, nợ dài hạn đạt 28,65 tỷ đồng, tăng 18,29% so với năm 2024, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng nợ giảm nhẹ từ 2,53% xuống còn 2,18%. Diễn biến này cho thấy Công ty vẫn duy trì cơ cấu nguồn vốn tương đối linh hoạt, đồng thời hạn chế phụ thuộc vào các khoản vay dài hạn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp điều hành và quản trị phù hợp với bối cảnh thị trường có nhiều biến động, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro. Tư duy kinh doanh được chuyển đổi theo hướng chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đổi mới, bám sát diễn biến thị trường; đồng thời thực hiện điều tiết tồn kho hợp lý, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn hàng nhập khẩu và ưu tiên các mặt hàng có mức độ rủi ro thấp hơn.

Công ty đã điều chỉnh cơ cấu kênh bán hàng theo hướng cân đối giữa kênh thương mại (chiếm khoảng 50–70%) và khách hàng sử dụng cuối (30–50%), góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro. Chính sách bán hàng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ, chú trọng công tác thẩm định khách hàng, ưu tiên các giao dịch có bảo đảm và thanh toán ngay.

Trong công tác quản trị nội bộ, Công ty đã thực hiện rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn; đồng thời áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPI), nâng mức sản lượng tối thiểu đối với cán bộ bán hàng từ 300 tấn/tháng lên 500 tấn/tháng và đối với cấp quản lý đơn vị từ 400 tấn/tháng lên 600 tấn/tháng. Việc gắn thu nhập với kết quả kinh doanh đã góp phần nâng cao năng suất lao động và trách nhiệm của người lao động.

Về công tác tài chính, Công ty tăng cường quản lý dòng tiền, chủ động xây dựng kế hoạch vốn và duy trì quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng thương mại lớn. Dư nợ vay bình quân năm 2025 khoảng 774 tỷ đồng. Chi phí lãi vay ghi nhận 33,49 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,58% doanh thu, tăng so với năm trước do mặt bằng lãi suất tăng và nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty duy trì số dư tiền gửi có kỳ hạn bình quân khoảng 235 tỷ đồng nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và dự phòng thanh khoản.

Bên cạnh đó, công tác quản lý công nợ tiếp tục được chú trọng, với việc kiểm soát chặt chẽ hạn mức tín dụng bán hàng, tăng cường thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản nợ quá hạn và khó đòi. Tỷ giá USD trong năm duy trì ở mức cao (tăng khoảng 5,6% so với cùng kỳ), cùng với xu hướng tăng lãi suất vay vào cuối năm (tăng khoảng 2–3 điểm phần trăm), đã tạo áp lực nhất định lên chi phí tài chính và giá vốn hàng nhập khẩu; tuy nhiên Công ty đã chủ động theo dõi và điều tiết hoạt động mua ngoại tệ phù hợp.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2026

1 Thị trường thế giới

Dự báo năm 2026, nhu cầu thép toàn cầu có thể cải thiện nhẹ, được dẫn dắt bởi tăng trưởng mạnh tại Ấn Độ, gia tăng đầu tư công tại khu vực châu Á và Trung Đông – Bắc Phi, cùng với sự phục hồi từng phần tại một số quốc gia châu Âu. Đây là cơ sở để kỳ vọng thị trường thép thế giới có tín hiệu tích cực hơn so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn và khó lường. Rủi ro dư thừa công suất tiếp tục hiện hữu; cung – cầu thép thế giới chịu tác động từ chính sách thuế đối ứng của Mỹ, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại tại các nền kinh tế lớn, bất ổn địa chính trị tại Trung Đông, thiên tai cục bộ cũng như biến động giá nguyên liệu và chi phí logistics.

Trung Quốc tiếp tục triển khai kế hoạch cắt giảm sản lượng và loại bỏ công suất lạc hậu trong giai đoạn 2025–2026 nhằm giảm dư thừa và ổn định thị trường nội địa. Nếu được thực thi quyết liệt, động thái này có thể góp phần giảm áp lực cung trên thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, sự suy yếu kéo dài của thị trường bất động sản Trung Quốc tiếp tục kìm hãm nhu cầu trong nước, khiến nước này duy trì xuất khẩu thép giá rẻ với khối lượng lớn ra thị trường quốc tế. Biến động chính sách từ Trung Quốc vẫn là yếu tố gây bất ổn đáng kể đối với thị trường thép toàn cầu.



2 Thị trường trong nước

Năm 2026, kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ chính sách điều hành vĩ mô ổn định, linh hoạt; đẩy mạnh đầu tư công; khuyến khích đầu tư tư nhân; thúc đẩy chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Các dự án công trình trọng điểm được khởi công mới, đặc biệt trong ngày 19/12/2025 đã khởi công 234 dự án với tổng mức đầu tư trên 3,4 triệu tỷ đồng, cùng với kỳ vọng phục hồi của thị trường bất động sản, sẽ tạo động lực cho nhu cầu thép trong nước.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu thép tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn do các biện pháp phòng vệ thương mại và xu hướng bảo hộ thương mại của các nước lớn gia tăng. Trong nước, cạnh tranh ngày càng gay gắt do tình trạng cung vượt cầu, trong khi người mua có nhiều lựa chọn hơn, tạo áp lực lên giá bán và biên lợi nhuận.

Dưới tác động của xu hướng giá thép thế giới, ngành hàng thép nhập khẩu dự kiến tiếp tục chịu áp lực cạnh tranh lớn trong năm 2026. Sự thay đổi về xu hướng và nhu cầu thị trường khiến mặt hàng thép SQC không còn nhiều dư địa tăng trưởng.

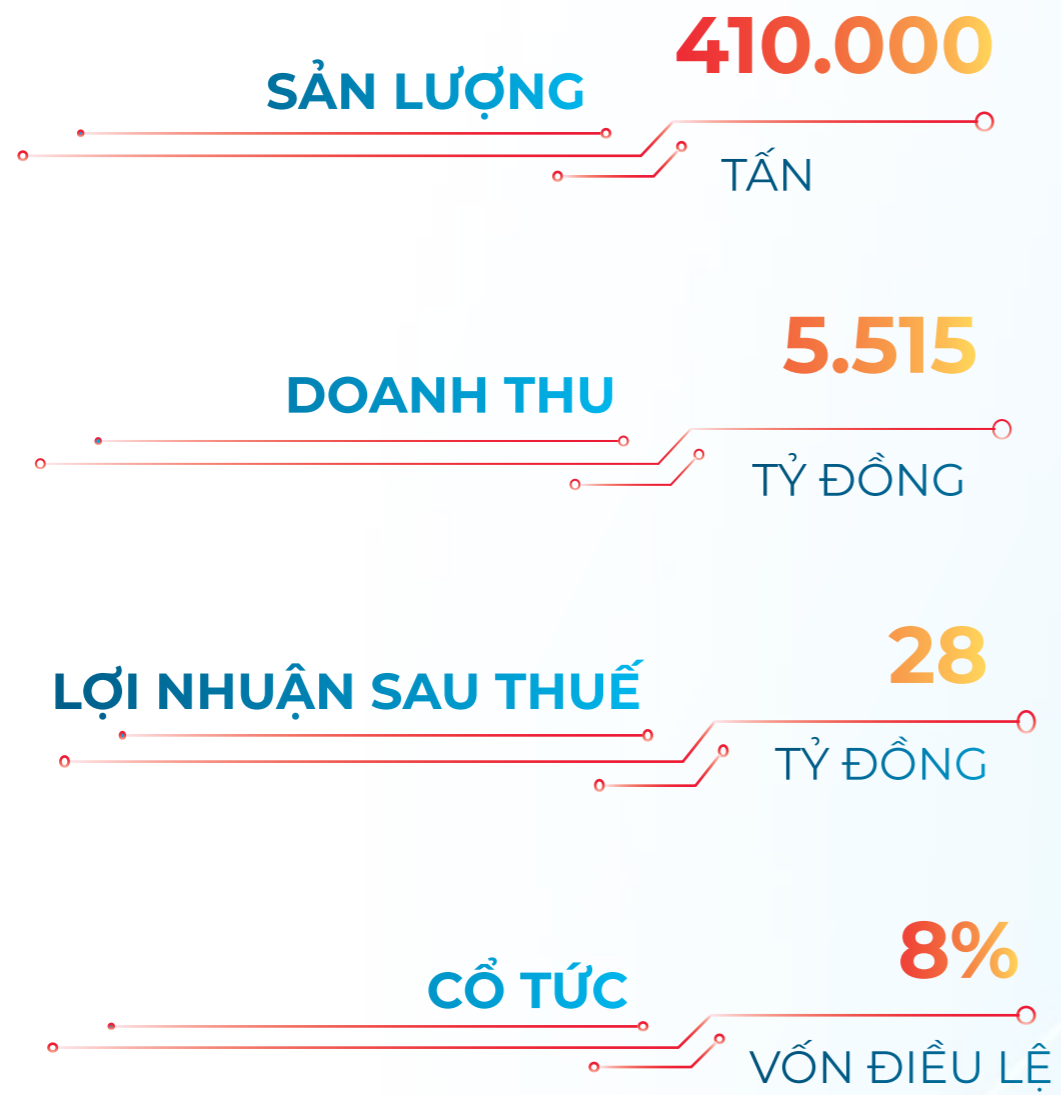
Hoạt động cho thuê mặt bằng, kho bãi tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh được dự báo tiếp tục gặp khó khăn khi nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, trả lại mặt bằng, chuyển sang mô hình làm việc linh hoạt, làm việc từ xa hoặc thuê văn phòng theo giờ.

Bên cạnh đó, ngành thép trong nước ghi nhận sự xuất hiện của dự án VinMetal tại Hà Tĩnh và sự hợp tác giữa Vingroup với Pomina, trong đó sản phẩm của Pomina được ưu tiên sử dụng cho các công trình, dự án của Vin. Việc này sẽ ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm thép khác, trong đó có các mặt hàng của HMC.

Chính sách áp thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với thép cán nóng Trung Quốc khổ 2m cũng ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị sản xuất thép tiên chế và các doanh nghiệp kinh doanh thép nhập khẩu.

Hiện tại giá năng lượng và xăng dầu ở mức cao, dự kiến tiếp tục làm gia tăng chi phí vận chuyển và lưu thông hàng hóa, qua đó gây áp lực lên chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG TƯƠNG LAI

STT	Dự án/Hạng mục	Tổng mức đầu tư	KH giải ngân năm 2026	Nguồn vốn	
				Vốn CSH	Vốn vay
I	Dự án đầu tư xây dựng	93,00	74,00	32,00	42,00
1	Dự án Đầu tư kho tại Miền Tây (dự án chuyển tiếp)	40,00	25,00	10,00	15,00
2	Dự án đầu tư khu phức hợp Linh Trung, Thủ Đức (dự án chuyển tiếp)	6,00	2,00	2,00	
3	Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại địa chỉ: 24,26,28 đường số 13, phường Linh Xuân, TPHCM (giai đoạn chuẩn bị đầu tư).	2,00	2,00	2,00	
4	Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng: 24m*174m (4.176 m2) - tại Tổng kho Kim Khí Linh Trung - số 5, đường số 13, phường Linh Xuân, TPHCM	35,00	35,00	14,00	21,00
5	Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo nhà xưởng 2*18m*54m (1.944 m2) tại Tổng kho Kim Khí Linh Trung, số 5, đường số 13, phường Linh Xuân, TPHCM	10,00	10,00	4,00	6,00
II	Đầu tư mua sắm, nâng cấp, sửa chữa tài sản cố định	22,41	22,41	22,41	
1	Tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng	7,41	7,41	7,41	
1.1	Đầu tư mua sắm nâng cấp hệ thống máy lạnh cho 02 tầng (chuyển tiếp)	4,41	4,41	4,41	
1.2	Sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc tầng 2 (Dự án chuyển tiếp)	3,00	3,00	3,00	
2	Kho Linh Trung	7,50	7,5	7,5	
2.1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Dây chuyền máy xà tôn cuộn tại kho Linh Trung (Dự án chuyển tiếp- Đ/c tổng mức đầu tư tăng 1,5 tỷ đồng so với KH 2025)	3,00	3,00	3,00	
2.2	Cải tạo bãi chứa hàng và nâng cấp đường nội bộ tại Tổng kho Kim Khí Linh Trung	3,00	3,00	3,00	
2.3	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng nhà văn phòng Xí nghiệp 5 và Xí nghiệp 6 tại kho Linh Trung	1,50	1,50	1,50	
3	Đầu tư mua sắm phần mềm quản trị, kế toán	3,50	3,50	3,50	
4	Đầu tư mua sắm 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi	4,00	4,00	4,00	
Tổng cộng: (I) + (II)		115,41	96,41	54,41	42,00

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã rất quan tâm đến các vấn đề liên quan đến môi trường, từ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và nước đến việc xử lý những rác thải trong sinh hoạt và hoạt động kinh doanh. Các hoạt động này được thực hiện theo đúng kế hoạch được Công ty đề ra, phù hợp với chủ trương của Chính phủ và xu hướng chung của thế giới.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chúng tôi đánh giá các hoạt động liên quan đến chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt. Công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn, môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết, thân thiện cho công nhân viên và người lao động. Các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động như lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách lao động, bảo hiểm y tế,... cũng được chúng tôi rất quan tâm.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương.



04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH DOANH HÀNG HOÁ

Năm 2025, thị trường thép tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn khi nhu cầu và giá bán suy giảm, tồn kho ở mức cao, trong khi hoạt động thép nhập khẩu chịu áp lực từ biến động giá thế giới và chính sách thuế. Trong bối cảnh đó, HĐQT đánh giá Công ty đã điều hành kinh doanh linh hoạt, chủ động đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho nhằm giảm chi phí lãi vay và hạn chế rủi ro giá, đồng thời chuyển dịch cơ cấu sang các mặt hàng trong nước có mức độ rủi ro thấp hơn như thép xây dựng, phôi thép, thép phế liệu và nguyên vật liệu ngành thép.

Công ty tập trung mở rộng tệp khách hàng, gia tăng độ bao phủ thị trường và khẳng định vai trò nhà phân phối hàng đầu đối với các sản phẩm Thép Miền Nam /V/ và Thép Việt – Nhật, đồng thời mở rộng cung cấp nguyên liệu đầu vào cho ngành thép. Trong giai đoạn đầu mở rộng thị trường, biên lợi nhuận chưa cao do cạnh tranh, tuy nhiên đây là định hướng cần thiết để xây dựng nền tảng khách hàng và thị trường lâu dài.

Công ty từng bước kết hợp kênh thương mại với bán trực tiếp cho khách hàng sử dụng cuối nhằm mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro và chuẩn hóa hoạt động bán hàng.

Nhờ các giải pháp điều hành trên, năm 2025 Công ty đạt nhiều kết quả tích cực như sản lượng tiêu thụ thép xây dựng, phôi thép, thép nhập khẩu tăng trưởng rất ấn tượng. HĐQT đánh giá đây là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Năm 2025, hoạt động tài chính của Công ty chịu tác động từ biến động lãi suất và tỷ giá. Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động theo dõi diễn biến thị trường, linh hoạt trong quản lý nguồn vốn, phương thức thanh toán và kiểm soát chặt dòng tiền nhằm hạn chế rủi ro tài chính. Quan hệ tín dụng với các ngân hàng được duy trì ổn định, đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Đồng thời, công tác quản lý công nợ tiếp tục được tăng cường thông qua kiểm soát hạn mức tín dụng khách hàng, nâng cao công tác thẩm định và đẩy mạnh thu hồi nợ. Nhìn chung, mặc dù quy mô kinh doanh tăng, tình hình tài chính và công nợ của Công ty vẫn được kiểm soát hiệu quả, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

HĐQT ghi nhận Công ty đã triển khai công tác đầu tư, sửa chữa và quản lý tài sản theo kế hoạch. Một số dự án như Kho Miền Tây chưa thể triển khai do chưa tìm được mặt bằng phù hợp; Dự án khu phức hợp Linh Trung đang thực hiện thủ tục gia hạn thuê đất và chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong năm, Công ty đã thực hiện một phần hạng mục sửa chữa hệ thống kỹ thuật tại Tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai, đồng thời hoàn tất thiết kế, dự toán dự án nâng cấp hệ thống máy lạnh Tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng, dự kiến hoàn thành trong Quý II/2026. Dây chuyền máy xả tôn cuộn 8–20mm đang được xem xét phương án sửa chữa tổng thể nhằm nâng cao hiệu quả khai thác.

Công tác quản lý, bảo trì tài sản tại các tòa nhà, kho bãi và thiết bị được thực hiện thường xuyên, đảm bảo vận hành an toàn. Đồng thời, Công ty tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý đối với Kho Kim Khí Linh Trung và cơ sở 343/17 Tô Hiến Thành theo quy định.

Năm 2025, doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi và dịch vụ liên quan đạt 83,98 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch và tăng 6% so với năm 2024, trong bối cảnh chi phí thuê đất tăng mạnh. Công ty đã chủ động điều chỉnh giá khai thác dịch vụ tại Tổng kho Kim Khí Linh Trung từ ngày 01/7/2025 nhằm bù đắp chi phí tăng.

HĐQT đánh giá Công ty tiếp tục duy trì tốt hoạt động khai thác bất động sản thông qua việc nâng cấp hệ thống kỹ thuật, cải thiện chất lượng dịch vụ và điều chỉnh giá thuê phù hợp với thị trường. Đến nay, Tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng đã đạt tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích cho thuê.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã tích cực thực hiện vai trò giám sát, chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, mọi diễn biến thị trường và hoạt động kinh doanh đều được nắm bắt kịp thời, sâu sát.

Đánh giá chung, Ban Tổng giám đốc đã vận hành bộ máy đúng chức năng, nhiệm vụ và quy chế nội bộ, tuân thủ nghiêm túc Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ Công ty. Toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm qua luôn bám sát định hướng chiến lược, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong việc thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động, bám sát tình hình thị trường để ra các giải pháp linh hoạt, hợp lý, hiệu quả trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tăng cường công tác quản trị tài chính.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần quyết tâm và sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2025. Sản lượng và doanh thu đạt mức tăng trưởng ấn tượng, đồng thời đặc biệt chủ động tạo lập nguồn hàng lớn với giá cạnh tranh để phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh đầu năm mới của Công ty. Điểm sáng nổi bật bao gồm việc tăng tỷ lệ bán hàng trực tiếp, thắt chặt phối hợp trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, chuẩn hóa quy trình kinh doanh và quản lý khách hàng, tiếp tục phát huy được thế mạnh trong hoạt động dịch vụ.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Hội đồng quản trị tiếp tục triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- » Nâng cao năng lực quản trị, quản trị hiệu quả và tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực của Công ty; khai thác tốt các lợi thế hiện có để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.
- » Tổ chức triển khai và giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026, phấn đấu hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 đã được thông qua.
- » Thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và thường xuyên đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động theo dõi sát diễn biến thực tế để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ và phối hợp cùng Ban điều hành xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư được triển khai hiệu quả, đúng định hướng và tối ưu hóa kết quả.
- » Tiếp tục tăng cường công tác phân tích, đánh giá và dự báo thị trường làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng thích ứng trước biến động nhanh và khó lường của thị trường.
- » Đẩy mạnh đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi; đầu tư thêm kho mới tại các khu vực trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ hàng hóa, đồng thời mở rộng hoạt động cho thuê kho bãi, gia tăng nguồn thu.
- » Mở rộng và phát triển hệ thống phân phối; tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất, phân phối lớn; đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm mới, đa dạng hóa ngành hàng kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thị phần.
- » Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ công nợ, dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn, bảo đảm an toàn vốn và phát triển ổn định, bền vững.
- » Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản lý theo hướng đồng bộ, minh bạch và hiệu quả; đồng thời nâng cao chất lượng quản trị nhân lực thông qua áp dụng KPI gắn với lương thưởng, tăng cường đào tạo và sắp xếp, luân chuyển nhân sự phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Kiến nghị của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 kỳ họp để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề trọng tâm sau:

- ♦ Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ các quý và cả năm 2024, 2025; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác các quý năm 2025 và quý I/2026.
- ♦ Thông qua tài liệu, nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- ♦ Kiện toàn công tác nhân sự: bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024–2029 và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.
- ♦ Thông qua việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.
- ♦ Sửa đổi Quy chế quản lý tài chính; phê duyệt chủ trương vay vốn tại các ngân hàng.

Ngoài các kỳ họp định kỳ, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, nhiều nội dung khác được HĐQT xem xét, quyết định thông qua hình thức lấy ý kiến bằng thư điện tử.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông/Mr Võ Trí Nghĩa	2/2	100%	—
2	Ông/Mr Phạm Công Thảo	6/6	100%	—
3	Ông/Mr Lê Văn Quang	8/8	100%	—
4	Bà/Mrs Cù Thị Thùy Linh	8/8	100%	—
5	Ông/Mr Nguyễn Bá An	8/8	100%	—
6	Bà/Mrs Nguyễn Thùy Ly	8/8	100%	—

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày QĐ	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	33/NQ-HMC	17/01/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn	
2	38/NQ-HMC	21/01/2025	Về đánh giá kết quả kinh doanh Q4 và năm 2024; nhiệm vụ trọng tâm Q1-2025	
3	67/NQ-HMC	20/02/2025	Chốt danh sách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
4	79/NQ-HMC	20/03/2025	Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng	
5	81/NQ-HMC	24/3/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn và người nội bộ	
6	86/NQ-HMC	04/4/2025	Thông qua nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
7	87/QĐ-HMC	10/4/2025	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2024	
8	88/NQ-HMC	10/4/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn	
9	91/NQ-HMC	14/4/2025	Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty	
10	92/NQ-HMC	14/4/2025	Bầu chủ tịch HĐQT Công ty	
11	93/NQ-HMC	14/4/2025	Phê duyệt kế hoạch Đầu tư; Mua sắm; Nâng cấp/Sửa chữa tài sản cố định năm 2025	
12	94/NQ-HMC	14/4/2025	Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng	
13	95/QĐ-HMC	14/4/2025	Giao dịch tín dụng tại Ngân hàng BIDV	
14	105/NQ-HMC	18/4/2025	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1 năm 2025; nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2025	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày QĐ	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	126/NQ-HMC	05/06/2025	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024	
16	132/NQ-HMC	12/06/2025	Phê duyệt chi phí thuê nhà công vụ	
17	134/NQ-HMC	24/6/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	
18	139/NQ-HMC	14/7/2025	Điều chỉnh hạn mức tín dụng	
19	152/NQ-HMC	18/7/2025	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025; nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2025	
20	159/NQ-HMC	31/7/2025	Sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý tài chính	
21	167/NQ-HMC	21/8/2025	Thông qua chủ trương tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty	
22	169/NQ-HMC	28/8/2025	Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2025	
23	189/NQ-HMC	3/10/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn	
24	190/NQ-HMC	3/10/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn	
25	191/NQ-HMC	3/10/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn	
26	192/NQ-HMC	3/10/2025	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2025	
27	196/NQ-HMC	28/10/2025	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2025; nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2025	
28	197/NQ-HMC	28/10/2025	Kế hoạch lao động tiền lương năm 2025	
29	198/NQ-HMC	28/10/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày QĐ	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
30	266/QC/ĐUHMC	28/10/2025	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Đảng uỷ - HĐQT - TGD	
31	199/NQ-HMC	29/10/2025	Quy trách nhiệm cá nhân khoản nợ của Công ty TNHH TM Quang Giàu	
32	200/NQ-HMC	29/10/2025	Thông qua nội dung tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	
33	210/NQ-HMC	24/11/2025	Ký hợp đồng tín dụng với NH TMCP Quân đội	
34	216/NQ-HMC	5/12/2025	Hỗ trợ kinh phí an sinh xã hội cho địa phương bị thiên tai	
35	226/NQ-HMC	25/12/2025	Thay đổi mẫu dấu của Công ty	
36	236/NQ-HMC	31/12/2025	Giao dịch mua bán hàng hoá với tổ chức có liên quan của cổ đông lớn và người nội bộ	
37	247/NQ-HMC	31/12/2025	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2025; nhiệm vụ trọng tâm quý 1 năm 2026	



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập là ông Nguyễn Bá An, thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của công ty và các văn bản pháp luật hiện hành đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- » Tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.
- » Thường xuyên trao đổi, cập nhật tình hình thị trường; phân tích, dự báo xu hướng nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho Ban điều hành. Đồng thời, phối hợp với bộ phận kinh doanh trong công tác tìm kiếm, phát triển và mở rộng thị trường.
- » Chủ động trao đổi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động và phản ánh kịp thời đến Tổng Giám đốc; tăng cường kết nối giữa các thành viên trong Công ty nhằm tạo sự thấu hiểu, chia sẻ và phối hợp hiệu quả trong công việc. Đồng thời, đóng góp ý kiến hoàn thiện các quy định, chính sách đối với người lao động nhằm tạo động lực và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập

Về việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT

- » Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp.
- » Nội dung các cuộc họp tập trung vào định hướng phát triển dài hạn, đánh giá tình hình thị trường và xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty.
- » Các báo cáo tài chính, phân tích thị trường và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc trình bày được chuẩn bị đầy đủ, rõ ràng, kịp thời, tạo cơ sở dữ liệu cần thiết để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra quyết định.
- » Các thành viên tham dự họp trao đổi thẳng thắn, đa chiều và phản biện tích cực, qua đó góp phần lựa chọn giải pháp tối ưu.
- » Những vấn đề quan trọng được thảo luận kỹ lưỡng và thống nhất quyết nghị kịp thời, bảo đảm sự điều hành nhất quán và hiệu quả trong toàn Công ty.

Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

- » Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng chiến lược, giám sát hoạt động điều hành và bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.
- » Hội đồng quản trị luôn xác định các định hướng dài hạn trên cơ sở phân tích thị trường, đánh giá tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của Công ty.
- » Các thành viên Hội đồng quản trị có chuyên môn và kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực như tài chính, kinh doanh, marketing và quản trị doanh nghiệp, qua đó tạo nên góc nhìn đa chiều và nâng cao chất lượng các quyết định chiến lược.
- » HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Ban điều hành, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ theo Điều lệ, quy định của pháp luật và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.
- » Nhìn chung, HĐQT của công ty hoạt động rất hiệu quả, có tầm nhìn chiến lược và khả năng ra quyết định kịp thời. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường ngày càng biến động và cạnh tranh gay gắt, Hội đồng quản trị cần tiếp tục đổi mới phương thức quản trị, tăng cường kết nối nội bộ và nâng cao hiệu quả phối hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng, đưa Công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn trong thời gian tới.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Lê Ánh	2/2	100%	-
2	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	2/2	100%	-
3	Ông Hà Văn Sơn	2/2	100%	-

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, Sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng 40,29% so với năm trước, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 36,10%, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 48,45%.

Tổng doanh thu hoạt động tài chính tăng 21,46% so với năm trước, chủ yếu do khoản chiết khấu thanh toán và lãi quá hạn thu từ khách hàng tăng mạnh 104,34%. Trong khi đó, lãi tiền gửi giảm 32,79% so với cùng kỳ.

Chi phí tài chính tăng 40,59% so với năm trước, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 58,95%, xuất phát từ việc lãi suất vay và dư nợ vay bình quân đều tăng so với cùng kỳ.

Tổng chi phí bán hàng tăng 50,57% so với năm trước. Các khoản biến động lớn bao gồm: chi phí vận chuyển tăng tương ứng với sản lượng tiêu thụ mặt hàng phôi thép gia tăng; chi phí nhân công tăng theo kết quả lợi nhuận vượt mức kế hoạch.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 59,78% so với năm trước, chủ yếu do tăng chi phí nhân viên quản lý, chi phí khánh tiết và một số khoản chi có tính chất phúc lợi.

Kết quả kinh doanh năm 2025, Công ty đạt 31,22 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt 20,08% so với kế hoạch và tăng 1,92% so với năm trước.

GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa công ty với một số Công ty thuộc hệ thống công ty mẹ Tổng công ty Thép Việt Nam CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền và được công bố thông tin kịp thời.

Giá mua bán trong các giao dịch trên là giá thỏa thuận theo thời điểm.

Giá trị giao dịch với các Công ty có liên quan được trình bày đầy đủ tại báo cáo tài chính và báo cáo tình hình quản trị năm 2025 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- » Cơ cấu tài sản của Công ty có sự thay đổi nhẹ so với đầu kỳ theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản tăng 26,36% so với đầu năm. Các khoản mục biến động lớn gồm: đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 79,71%; hàng tồn kho tăng 50,97% do Công ty chủ động gia tăng dự trữ cuối năm nhằm đón đầu xu hướng tăng giá thép trong đầu năm 2026. Việc hàng tồn kho tăng mạnh cuối kỳ đã ảnh hưởng đáng kể đến một số chỉ tiêu tài chính của Công ty, đặc biệt là các chỉ số thanh khoản và cơ cấu nguồn vốn.
- » Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) duy trì tương đương năm trước. Biên lợi nhuận gộp cải thiện so với năm 2024; tuy nhiên, biên lợi nhuận ròng giảm do chi phí lãi vay và chi phí vận hành gia tăng.
- » Tại ngày 31/12/2025, hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,27 lần, giảm nhẹ so với cùng thời điểm năm trước, phản ánh khả năng thanh khoản ở mức vừa đủ. Hệ số thanh toán nhanh giảm còn 0,66 lần (năm trước là 0,8 lần).
- » Phần lớn các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động năm 2025 đều cải thiện so với năm trước. Vòng quay các khoản phải thu tăng lên 12,17 lần; thời gian thu tiền bình quân rút ngắn xuống còn khoảng 30 ngày. Vòng quay vốn chủ sở hữu tăng từ 10,42 lần lên 13,99 lần. Riêng vòng quay hàng tồn kho giảm từ 9,65 lần (năm 2024) xuống 8,73 lần; tuy nhiên, mức này vẫn cao hơn bình quân ngành, cho thấy khả năng luân chuyển hàng hóa của Công ty vẫn ở mức tích cực.
- » Về cơ cấu nguồn vốn, tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 316,22%, tăng mạnh so với đầu kỳ (233,86%). Nợ phải trả tăng 37,05%, chủ yếu do dư nợ vay ngân hàng và khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng tương ứng với việc gia tăng dự trữ hàng tồn kho.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT tổ chức đều đặn các cuộc họp định kỳ nhằm đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Các thành viên HĐQT làm việc nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2025, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; điều hành kinh doanh linh hoạt, hiệu quả; chú trọng công tác kiểm soát bán hàng trả chậm và chăm sóc khách hàng; kiểm soát hiệu quả tốt chi phí tài chính và dòng tiền; đưa ra nhiều giải pháp để tăng doanh thu và hiệu quả; mở rộng thị phần. Mặc dù thị trường thép năm 2025 vẫn còn khó khăn nhưng Công ty đã đạt được những kết quả tích cực, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, sản lượng, lợi nhuận. Sản lượng và doanh thu tăng trưởng cao so với năm trước.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cung cấp thông tin, tạo điều kiện trong việc thực thi nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng và một số cuộc họp khác của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đã kiến nghị, góp ý về một số vấn đề trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban điều hành ghi nhận và xem xét.

Năm 2025 Ban kiểm soát không nhận được yêu cầu, kiến nghị nào từ cổ đông.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành lưu ý các vấn đề sau:

Về quản lý dòng tiền và dư nợ vay

- » Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đảm bảo tốc độ luân chuyển hàng hóa phù hợp với kỳ hạn thanh toán nợ vay, qua đó duy trì khả năng thanh khoản ổn định của Công ty.
- » Chủ động xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ gắn với kế hoạch trả nợ ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và nâng cao tính chủ động tài chính.
- » Xem xét xây dựng lộ trình điều chỉnh cơ cấu nợ vay, đặc biệt là nợ ngắn hạn, khi điều kiện thị trường thuận lợi nhằm cải thiện hệ số thanh toán và giảm áp lực chi phí tài chính.

Về kiểm soát hàng tồn kho và cơ cấu nguồn vốn

- » Cân nhắc xây dựng hạn mức tồn kho tối đa của Công ty dựa trên các kịch bản thị trường để làm cơ sở điều tiết hoạt động nhập hàng và phân bổ nguồn vốn hợp lý.
- » Theo dõi và xác định ngưỡng kiểm soát phù hợp đối với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty, đảm bảo cơ cấu vốn cân đối, phù hợp với đặc thù ngành và khả năng tạo ra dòng tiền của Công ty. Thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng vốn vay nhằm tạo căn cứ vững chắc cho việc điều chỉnh các quyết định kinh doanh.

Về kiểm soát chi phí

- » Tiếp tục tăng cường quản lý và tối ưu chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy mô doanh thu và biên lợi nhuận thực tế. Thường xuyên xem xét cơ cấu chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và góp phần cải thiện biên lợi nhuận ròng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Ông Võ Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	175.200.000	Miễn nhiệm: 14/04/2025
2	Ông Phạm Công Thảo	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	Bổ nhiệm: 14/04/2025
4	Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	84.000.000	
5	Ông Nguyễn Bá An	Thành viên HĐQT – Độc lập	84.000.000	
6	Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên HĐQT – Không điều hành	84.000.000	
Ban Kiểm soát				
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát/ CBTT	578.523.833	
2	Ông Hà Văn Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	
Ban điều hành				
1	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	936.072.000	
2	Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	773.347.200	
3	Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	766.501.822	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	603.600.000	
Tổng cộng			4.241.244.855	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Nguyễn Thuý Ly	TV HĐQT	2.855.600	10,46%	3.561.100	13,04%	Mua
2	Ông Lê Vinh	Con bà Nguyễn Thuý Ly	14.000	0,05%	15.500	0,057%	Mua
3	Đoàn Thị Thanh Thúy	TV BKS	3.230	0,01%	7.730	0,01%	Mua
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	7.300	0,03%	0		Bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN/ NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- VNSTEEL (TMN)	- Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	61/NQ-KK-23/4/2024;	1.899.070.545.050	Mua hàng hóa
		- Ông Lê Việt - TGD TMN (Bổ nhiệm 1/7/2025) - là chồng bà Nguyễn Thuý Ly TV HĐQT	90/NQ-HMC-14/4/2025; 209/NQ-HMC-9/11/2025	436.575.519.600	Bán hàng hóa
2	Công ty CP Thép Thủ Đức – VNSTEEL	Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 191/NQ-HMC – 3/10/2025	51.133.002.538	Bán hàng hóa
3	Công ty TNHH VinaKyoiei	Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP) 708.971.028.244	61/NQ-KK-23/4/2024;	708.971.028.244	Mua hàng hóa
			90/NQ-HMC-14/4/2025	78.808.142.235	Bán hàng hóa
4	Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung	Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 190/NQ-HMC – 3/10/2025	7.839.384.905	Mua hàng hóa
				44.239.968.248	Bán hàng hóa
5	Công ty CP Lưới Thép Bình Tây	Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 189/NQ-HMC – 3/10/2025	12.752.146.551	Bán hàng hóa

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6	Công ty CP Thép Vicasa – VNSTEEL	Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP))	167/NQ-HMC 26/12/2024; 88/NQ-HMC 10/04/2025	71.723.593.726	Mua hàng hóa
				1.378.492.500	Bán hàng hóa
7	Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL (TNB)	- Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP) - TC có liên quan của TV HĐQT Củ Thị Thuý Linh và TV HĐQT Nguyễn Thuý Ly	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	320.468.511.826	Bán hàng hóa
8	Công ty CP Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương VN	Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024;	1.288.259.799	Mua dịch vụ
9	Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	25.801.533.120	Bán hàng hóa
10	Công ty Cổ phần VINAUSTEEL	Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	3.129.051.750	Mua hàng hóa
				123.724.199.610	Bán hàng hóa
11	Công Ty CP Cơ Khí Luyện Kim	Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024;	212.405.094	Bán hàng hóa
12	Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất	- Cty liên kết của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP) - TC có liên quan của P.TGD Lại Văn Quyền, KTT Nguyễn Thị Hồng Mây - Ông Lê Việt - TV HĐQT TNFS (miễn nhiệm ngày 12/11/2025) - là chồng bà Nguyễn Thuý Ly TV HĐQT	167/NQ-HMC 26/12/2024; 81/NQ-HMC-24/03/2025; 90/NQ-HMC-14/4/2025	32.723.730.695	Mua hàng hóa
				250.612.915.421	Bán hàng hóa
13	Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt – Trung	Cty liên kết của Công ty mẹ (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	103.152.269.440	Mua hàng hoá
14	Công ty Tôn Phương Nam (SSSC)	- Cty con của Công ty mẹ (TCTy Thép VN – CTCP) - Ông Lê Việt - Phó TGD thứ nhất của SSSC (miễn nhiệm ngày 30/6/2025) là chồng bà Nguyễn Thuý Ly TV HĐQT	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	33.805.978.371	Mua hàng hoá
15	Công ty TNHH TMV Thép Tấm Lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cty con của cổ đông lớn (TCTy Thép VN – CTCP)	167/NQ-HMC 26/12/2024; 90/NQ-HMC-14/4/2025	1.682.029.250	Mua hàng hóa

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

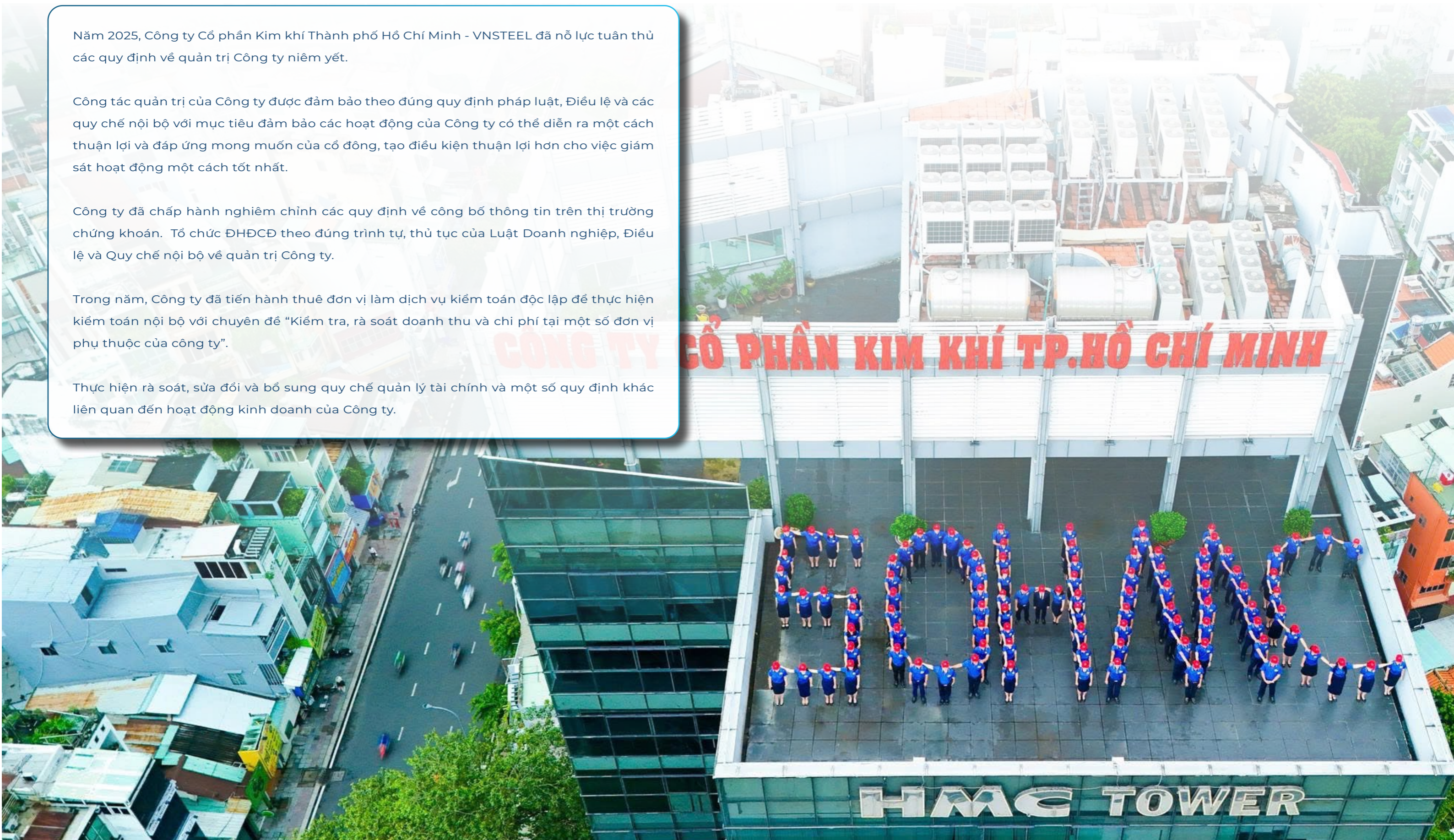
Năm 2025, Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL đã nỗ lực tuân thủ các quy định về quản trị Công ty niêm yết.

Công tác quản trị của Công ty được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ với mục tiêu đảm bảo các hoạt động của Công ty có thể diễn ra một cách thuận lợi và đáp ứng mong muốn của cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giám sát hoạt động một cách tốt nhất.

Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổ chức ĐHCĐ theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị làm dịch vụ kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán nội bộ với chuyên đề “Kiểm tra, rà soát doanh thu và chi phí tại một số đơn vị phụ thuộc của công ty”.

Thực hiện rà soát, sửa đổi và bổ sung quy chế quản lý tài chính và một số quy định khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.





06 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 230226.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL được lập 20 tháng 01 năm 2026, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026

Phạm Văn Sang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3864-2025-002-1

4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.627.305.985.866	1.257.591.053.347
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	65.239.570.546	96.583.891.064
111	1. Tiền		65.239.570.546	96.583.891.064
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	310.000.000.000	172.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		310.000.000.000	172.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		436.734.295.290	443.661.953.202
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	476.434.775.387	470.553.527.419
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	1.332.802.987	8.477.703.355
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.368.440.188	17.613.770.247
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(53.401.723.272)	(52.983.047.819)
140	IV. Hàng tồn kho	09	775.015.019.062	513.370.293.072
141	1. Hàng tồn kho		813.321.864.650	548.426.207.724
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(38.306.845.588)	(35.055.914.652)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.317.100.968	31.474.916.009
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	536.034.247	373.458.904
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.447.545.959	22.157.415.967
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	333.520.762	8.944.041.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.388.237.726	108.928.058.200
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		55.800.000	55.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	55.800.000	55.800.000
220	II. Tài sản cố định		20.937.912.613	24.708.596.886
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	11.863.117.304	15.443.411.293
222	- Nguyên giá		79.571.598.833	79.572.331.325
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.708.481.529)	(64.128.920.032)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.074.795.309	9.265.185.593
228	- Nguyên giá		12.339.454.427	12.339.454.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.264.659.118)	(3.074.268.834)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	61.492.016.892	65.085.530.136
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83.971.770.876)	(80.378.257.632)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.382.906	6.382.906
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.382.906	6.382.906
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	16.896.125.315	19.071.748.272
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.000.000.000	37.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(20.103.874.685)	(17.928.251.728)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.726.694.223.592	1.366.519.111.547

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of IIR International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.311.841.827.394	957.211.333.197
310	I. Nợ ngắn hạn		1.283.187.120.566	932.988.037.242
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	353.304.797.563	168.755.120.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	42.999.634.391	2.366.851.546
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.233.098.727	2.079.004.051
314	4. Phải trả người lao động		19.692.047.185	11.593.858.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.711.884.558	3.164.810.802
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.753.898.655	1.754.034.470
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	3.030.777.196	2.985.322.574
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	854.429.558.879	738.639.333.458
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.031.423.412	1.649.701.768
330	II. Nợ dài hạn		28.654.706.828	24.223.295.955
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	28.654.706.828	24.223.295.955
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		414.852.396.198	409.307.778.350
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	414.852.396.198	409.307.778.350
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		272.999.990.000	272.999.990.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		272.999.990.000	272.999.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		11.103.791.589	11.103.791.589
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.331.712.408	51.331.712.408
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.418.205.371	34.873.587.523
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.198.327.049	4.242.266.300
421b	LNST chưa phân phối năm nay		31.219.878.322	30.631.321.223
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.726.694.223.592	1.366.519.111.547



Lê Thúy Hằng

Người lập

TP. Hồ Chí Minh, 20 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Mây

Kế toán trưởng

Lê Văn Quang

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	5.765.927.609.529	4.235.960.388.440
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.395.384.470	501.049.965
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.764.532.225.059	4.235.459.338.475
11	4. Giá vốn hàng bán	26	5.621.719.011.566	4.139.257.022.597
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.813.213.493	96.202.315.878
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	44.942.647.078	37.001.603.066
22	7. Chi phí tài chính	28	36.014.569.185	25.615.918.407
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.490.358.088	21.070.400.410
25	8. Chi phí bán hàng	29	78.661.941.878	52.241.593.513
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	32.116.404.422	20.099.814.843
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.962.945.086	35.246.592.181
31	11. Thu nhập khác	31	738.265.708	1.109.331.352
32	12. Chi phí khác	32	661.114.939	258.748.894
40	13. Lợi nhuận khác		77.150.769	850.582.458
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.040.095.855	36.097.174.639
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	9.820.217.533	5.465.853.416
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.219.878.322	30.631.321.223
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.144	982



Lê Thúy Hằng

Người lập

TP. Hồ Chí Minh, 20 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Mây

Kế toán trưởng

Lê Văn Quang

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Trình bày lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41.040.095.855	36.097.174.639
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.408.910.480	8.034.158.432
03	- Các khoản dự phòng		5.845.229.346	(10.879.884.460)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(161.744.124)	4.312.635
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.120.242.871)	(21.010.309.193)
06	- Chi phí lãi vay		33.490.358.088	21.070.400.410
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.502.606.774	33.315.852.463
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.790.750.491)	(103.783.077.568)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(264.895.656.926)	(163.918.711.770)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		239.220.541.542	(126.922.033.693)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(162.575.343)	69.041.096
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.870.171.190)	(20.976.466.760)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.265.728.183)	(52.080.278)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.453.539.630)	(4.579.574.862)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(715.273.447)	(386.847.051.372)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(44.712.963)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(554.000.000.000)	(545.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		416.500.000.000	800.300.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.796.325.067	22.553.573.841
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(124.748.387.896)	277.353.573.841
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.260.225.644.799	4.308.884.209.977
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.144.435.419.378)	(4.100.937.744.136)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.832.628.720)	(21.822.353.520)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		93.957.596.701	186.124.112.321

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Trình bày lại) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(31.506.064.642)	76.630.634.790
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		96.583.891.064	19.935.854.020
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		161.744.124	17.402.254
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	65.239.570.546	96.583.891.064





Lê Thúy Hằng
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, 20 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 272.999.990.000 VND, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 272.999.990.000 VND; tương đương 27.299.999 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 160 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 160 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh mở rộng đối tác và thị phần, đồng thời mở rộng kinh doanh nguyên vật liệu cung ứng cho các nhà máy sản xuất thép. Điều này đã giúp cho sản lượng bán ra năm nay tăng mạnh so với năm trước, dẫn đến Doanh thu thuần bán hàng năm nay tăng 1.529,072 tỷ VND (tương ứng 36,1%) so năm trước, Giá vốn hàng bán tăng theo biến động tăng của doanh thu, tăng 1.482,461 tỷ VND (tương ứng tăng 35,81%). Do vậy, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 46,61 tỷ VND (tương ứng tăng 48,45%). Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh năm nay hiệu quả hơn so với năm trước, Công ty trích quỹ lương cao và việc thay đổi chính sách bán hàng làm phát sinh chi phí vận chuyển lớn nên Chi phí bán hàng năm nay tăng 26,42 tỷ VND (tương ứng tăng 50,57%) so với năm trước.

Tổng hợp những biến động nêu trên đã giúp cho Lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 13,69% tương ứng tăng 4,942 tỷ VND.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Các tài sản khác	04 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất	36	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 34	năm
- Thiết bị, hạ tầng	08 - 12	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước tiền thuê tài sản và chi phí phát hành thư bảo lãnh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho dịch vụ thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.491.230.055	1.909.160.384
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.748.340.491	94.674.730.680
	65.239.570.546	96.583.891.064

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	310.000.000.000	-	172.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	310.000.000.000	-	172.500.000.000	-
	<u>310.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>172.500.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2025 các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có giá trị 310.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2025			01/01/2025 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL ⁽¹⁾	23.000.000.000	(8.789.657.000)	14.210.343.000	23.000.000.000	(9.447.503.000)	13.552.497.000
- Công ty Cổ phần Thép Tâm là Thống Nhất ⁽²⁾	14.000.000.000	(11.314.217.685)	-	14.000.000.000	(8.480.748.728)	-
	<u>37.000.000.000</u>	<u>(20.103.874.685)</u>	<u>14.210.343.000</u>	<u>37.000.000.000</u>	<u>(17.928.251.728)</u>	<u>13.552.497.000</u>

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- ⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (mã cổ phiếu TNB) giao dịch trên thị trường UPCoM, được xác định theo giá tham chiếu bình quân từ ngày 20/11/2025 đến ngày 31/12/2025.
- ⁽²⁾ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tâm là Thống Nhất (mã TNS) đang được giao dịch trên thị trường UPCoM, tuy nhiên, do khối lượng thanh khoản rất thấp, đồng thời Công ty không có kế hoạch bán cổ phiếu này trong thời gian tới nên Công ty không ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá thị trường tại ngày 31/12/2025 mà thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư này căn cứ vào Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (TNB)	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Sản xuất, kinh doanh thép
- Công ty Cổ phần Thép Tâm là Thống Nhất (TNS)	Thành phố Hồ Chí Minh	7,00%	7,00%	Sản xuất, kinh doanh thép tấm lá

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	56.174.938.273	(30.153.672.833)	115.369.087.743	(32.853.672.833)
- Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất	30.153.672.833	(30.153.672.833)	32.853.672.833	(32.853.672.833)
- Chi nhánh Nham Trach - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	25.884.689.600	-	15.390.840.250	-
- Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	-	-	67.124.574.660	-
- Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	4.050.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	132.525.840	-	-	-
Bên khác	420.259.837.114	(23.248.050.439)	355.184.439.676	(20.129.374.986)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hồng Quyền	25.825.919.064	-	25.597.888.722	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ CCI	33.032.708.422	-	29.142.036.066	-
- Công ty TNHH Kim khí Thép Long An	14.877.145.147	-	22.367.671.224	-
- Công ty TNHH Thương mại Quang Giàu	4.487.213.270	(4.487.213.270)	5.487.213.270	(1.646.163.981)
- Công ty TNHH Thương mại Thép Hưng Thịnh Long An	1.963.589.757	-	17.652.725.598	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp QH Plus	38.872.218.686	-	-	-
- Các khách hàng khác	301.201.042.768	(18.760.837.169)	254.936.904.796	(18.483.211.005)
	476.434.775.387	(53.401.723.272)	470.553.527.419	(52.983.047.819)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác	543.710.000	-	559.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Long	543.710.000	-	559.000.000	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	789.092.987	-	1.483.703.355	-
- Trả trước cho người bán khác	-	-	-	-
	1.332.802.987	-	8.477.703.355	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	5.610.958.905	-	4.287.041.101	-
Tạm ứng	-	-	155.677.341	-
Ký cược, ký quỹ	147.000.000	-	5.198.000.000	-
Chiết khấu sản lượng	4.059.099.590	-	7.420.131.710	-
Chiết khấu thanh toán	2.051.735.986	-	113.640.250	-
Phải thu khác	499.645.707	-	439.279.845	-
	12.368.440.188	-	17.613.770.247	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.237.617.726	-	2.464.969.880	-
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.873.217.850	-	5.006.679.100	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	17.712.946	-	5.062.122.980	-
Các đối tượng khác	5.925.942.501	-	5.079.998.287	-
	12.054.491.023	-	17.613.770.247	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	55.800.000	-	55.800.000	-
	55.800.000	-	55.800.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Trương Thị Hoàng Diễm	30.000.000	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Siêu Thanh	25.800.000	-	25.800.000	-
	55.800.000	-	55.800.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.873.217.850	-	5.006.679.100	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.237.617.726	-	2.464.969.880	-
	6.110.835.576	-	7.471.648.980	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất	30.153.672.833	-	32.853.672.833	-
- Công ty TNHH Việt Quang	10.567.554.451	-	10.567.554.451	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung	2.368.497.799	-	2.368.497.799	-
- Các khoản khác	11.187.392.751	875.394.562	13.057.174.320	5.863.851.584
	54.277.117.834	875.394.562	58.846.899.403	5.863.851.584

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	27.303.122.847	-	72.437.055.501	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.374.438	-	26.116.438	-
Hàng hoá	785.991.367.365	(38.306.845.588)	475.963.035.785	(35.055.914.652)
	813.321.864.650	(38.306.845.588)	548.426.207.724	(35.055.914.652)

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án đầu tư xây dựng nhà văn phòng tại Xí nghiệp 5	6.382.906	6.382.906
	6.382.906	6.382.906

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	34.581.440.539	32.863.179.019	9.781.424.889	1.149.756.047	1.196.530.831	79.572.331.325
- Mua trong năm	-	-	-	44.712.963	-	44.712.963
- Giảm khác	-	-	-	(45.445.455)	-	(45.445.455)
Số dư cuối năm	34.581.440.539	32.863.179.019	9.781.424.889	1.149.023.555	1.196.530.831	79.571.598.833
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	24.697.913.398	30.070.021.044	7.191.614.962	1.095.931.637	1.073.438.991	64.128.920.032
- Khấu hao trong năm	2.415.828.605	382.655.991	716.748.399	55.066.437	54.707.520	3.625.006.952
- Giảm khác	-	-	-	(45.445.455)	-	(45.445.455)
Số dư cuối năm	27.113.742.003	30.452.677.035	7.908.363.361	1.105.552.619	1.128.146.511	67.708.481.529
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.883.527.141	2.793.157.975	2.589.809.927	53.824.410	123.091.840	15.443.411.293
Tại ngày cuối năm	7.467.698.536	2.410.501.984	1.873.061.528	43.470.936	68.384.320	11.863.117.304

Trong đó:
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.267.209.469 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Số dư cuối năm	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.570.268.834	504.000.000	3.074.268.834
- Khấu hao trong năm	190.390.284	-	190.390.284
Số dư cuối năm	2.760.659.118	504.000.000	3.264.659.118
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.265.185.593	-	9.265.185.593
Tại ngày cuối năm	9.074.795.309	-	9.074.795.309

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 504.000.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty chi tiết như sau:

- Lô C35/1 đường Số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.900 m² và có thời hạn sử dụng đến ngày 07/02/2047;
- Lô số 24, 26, 28 Số 5, đường Số 13, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 332,6 m² và có thời hạn sử dụng lâu dài.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chi phí xây dựng tòa nhà	Thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Số dư cuối năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.396.913.972	26.981.343.660	80.378.257.632
- Khấu hao trong năm	3.593.513.244	-	3.593.513.244
Số dư cuối năm	56.990.427.216	26.981.343.660	83.971.770.876
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	65.085.530.136	-	65.085.530.136
Tại ngày cuối năm	61.492.016.892	-	61.492.016.892

Thông tin chi tiết về bất động sản đầu tư cho thuê:

- Bất động sản đầu tư của Công ty là hai tòa nhà cho thuê tại địa chỉ số 193, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh và tại số 189, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê là: 26.981.343.660 VND.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê các bất động sản đầu tư là: 65.962.156.701 VND.
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 23.

- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất, thuê tài sản	22.500.000	22.500.000
Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	513.534.247	350.958.904
	536.034.247	373.458.904

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	94.488.093.035	94.488.093.035	126.213.433.742	126.213.433.742
Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	64.794.062.094	64.794.062.094	88.095.758.025	88.095.758.025
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	23.519.411.939	23.519.411.939	31.052.676.017	31.052.676.017
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	-	-	7.064.999.700	7.064.999.700
Công ty Tôn Phương Nam	6.174.619.002	6.174.619.002	-	-
Bên khác	258.816.704.528	258.816.704.528	42.541.686.375	42.541.686.375
Arsen International (HK) Ltd	-	-	19.088.876.916	19.088.876.916
Win Faith Trading Ltd	27.303.122.847	27.303.122.847	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	154.616.061.600	154.616.061.600	1.743.772.605	1.743.772.605
Tangshan Wuheng Industrial Co.,LTD	-	-	10.264.715.654	10.264.715.654
Công ty TNHH Thép Tây Đô	38.338.945.964	38.338.945.964	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Sài Gòn	13.796.163.733	13.796.163.733	-	-
Các đối tượng khác	24.762.410.384	24.762.410.384	11.444.321.200	11.444.321.200
	353.304.797.563	353.304.797.563	168.755.120.117	168.755.120.117

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	39.545.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	39.545.000.000	-
Bên khác	3.454.634.391	2.366.851.546
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	1.402.121.705	-
Công ty TNHH Đầu tư Hợp nhất Holdings	858.000.000	-
Chip Mong Group Co.,Ltd	-	636.030.233
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Điện và Chiếu sáng Đô thị Miền Nam	-	637.465.972
Các đối tượng khác	1.194.512.686	1.093.355.341
	42.999.634.391	2.366.851.546

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	660.879.800	49.061.962.163	49.722.841.963	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.944.041.138	1.265.728.183	9.820.217.533	1.265.728.183	-	876.176.395
Thuế Thu nhập cá nhân	-	152.396.068	4.640.811.368	4.436.285.104	-	356.922.332
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	10.439.146.999	10.772.667.761	333.520.762	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	552.023.837	552.023.837	-	-
	8.944.041.138	2.079.004.051	74.524.161.900	66.759.546.848	333.520.762	1.233.098.727

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.152.594.653	532.407.755
- Trích trước chi phí tiền điện, nước, điện thoại	21.776.598	12.360.453
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	2.233.317.129	874.071.490
- Tiền lãi ký quỹ của nhân viên bán hàng	305.029.311	245.077.798
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	1.361.117.433	994.958.784
- Chi phí phải trả khác	638.049.434	505.934.522
	5.711.884.558	3.164.810.802

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	1.753.898.655	1.754.034.470
	1.753.898.655	1.754.034.470

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.666.156.800	2.569.366.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	106.567.010	99.196.530
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.053.386	316.760.044
	3.030.777.196	2.985.322.574
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông	865.864.800	721.554.000
- Công ty TNHH Design and Creative Associates	453.600.000	396.240.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Thuận Phát Đạt	270.000.000	270.000.000
- Các đối tượng khác	1.441.312.396	1.597.528.574
	3.030.777.196	2.985.322.574
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.654.706.828	24.223.295.955
	28.654.706.828	24.223.295.955
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Quốc tế Anh văn Hội Việt Mỹ	10.416.000.000	10.416.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	2.485.896.425	2.485.896.425
- Công ty TNHH Kanadevia Việt Nam	818.334.006	818.334.006
- Ông Nguyễn Trung Tĩnh	1.300.000.000	-
- Các đối tượng khác	13.634.476.397	10.503.065.524
	28.654.706.828	24.223.295.955

21 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	138.863.997.964	138.863.997.964	1.848.618.243.628	1.947.389.991.592	40.092.250.000	40.092.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽²⁾	402.147.787.344	402.147.787.344	1.978.633.938.578	1.924.483.639.004	456.298.086.918	456.298.086.918
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽³⁾	134.807.079.665	134.807.079.665	990.237.841.363	925.396.342.210	199.648.578.818	199.648.578.818
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	-	-	264.041.616.114	205.194.563.795	58.847.052.319	58.847.052.319
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Trung tâm kinh doanh Khách hàng doanh nghiệp Hội sở	62.820.468.485	62.820.468.485	79.150.414.292	141.970.882.777	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽⁵⁾	-	-	99.543.590.824	-	99.543.590.824	99.543.590.824
	738.639.333.458	738.639.333.458	5.260.225.644.799	5.144.435.419.378	854.429.558.879	854.429.558.879

21 . VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
(1)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh						
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.350040/2025-HDCVHM/NHCT900-KIMKHI ngày 10/10/2025	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	40.092.250.000	138.863.997.964
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/94697/HĐTD ngày 26/09/2025	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở LC	456.298.086.918	402.147.787.344
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh						
	Hợp đồng cấp tín dụng số 64/98202/25-DN2/N-CTD ngày 20/08/2025; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 64/98202/25-DN2/N-HM/01 ngày 20/08/2025	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	199.648.578.818	134.807.079.665
(4)	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh						
	Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 7376/25MN/HĐTD ngày 09/04/2025	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Theo từng kế ước nhận nợ	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động, phát hành và cho vay thanh toán LC nhập khẩu, LC nội địa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, chi lương cho CBNV	58.847.052.319	-

21 . VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

(5)	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn						
	Hợp đồng cấp tín dụng số 350333.25.201.39895627.TD ngày 01/12/2025	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	99.543.590.824	

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (Trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	272.999.990.000	37.225.230.000	11.103.791.589	51.331.712.408	1.773.466.830	29.254.765.500	403.688.956.327
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	30.631.321.223	30.631.321.223
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(21.839.999.200)	(21.839.999.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.172.500.000)	(3.172.500.000)
Số dư cuối năm trước	272.999.990.000	37.225.230.000	11.103.791.589	51.331.712.408	1.773.466.830	34.873.587.523	409.307.778.350
Số dư đầu năm nay	272.999.990.000	37.225.230.000	11.103.791.589	51.331.712.408	1.773.466.830	34.873.587.523	409.307.778.350
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	31.219.878.322	31.219.878.322
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	-	(21.839.999.200)	(21.839.999.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(3.835.261.274)	(3.835.261.274)
Số dư cuối năm nay	272.999.990.000	37.225.230.000	11.103.791.589	51.331.712.408	1.773.466.830	40.418.205.371	414.852.396.198

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 90/NQ-KK ngày 14/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế (Trình bày lại)		34.873.587.523
Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	100,00	29.810.674.790
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,87	3.835.261.274
Chi trả cổ tức	73,26	21.839.999.200
- Chi trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 8% vốn điều lệ, tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 VND) (**)	73,26	21.839.999.200
Lợi nhuận chưa phân phối	13,87	4.135.414.316

(**) Theo Thông báo số 1065/TB-SGDHCM ngày 10/06/2025 về ngày đăng ký cuối cùng về chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 17/06/2025, ngày thanh toán là 27/06/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67	151.977.410.000	55,67	151.977.410.000
- Bà Nguyễn Thúy Ly	13,04	35.611.000.000	11,17	30.495.000.000
- Các cổ đông khác	31,29	85.411.580.000	33,16	90.527.580.000
	100,00	272.999.990.000	100,00	272.999.990.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	272.999.990.000	272.999.990.000
- Vốn góp đầu năm	272.999.990.000	272.999.990.000
- Vốn góp cuối năm	272.999.990.000	272.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	99.196.530	81.550.850
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	21.839.999.200	21.839.999.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	21.839.999.200	21.839.999.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(21.832.628.720)	(21.822.353.520)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(21.832.628.720)	(21.822.353.520)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	106.567.010	99.196.530

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.999	27.299.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.999	27.299.999
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	27.299.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.999	27.299.999
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	27.299.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.331.712.408	51.331.712.408
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	53.105.179.238	53.105.179.238

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê văn phòng tại tòa nhà 193 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Định và 189 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê cho hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	42.384.173.067	26.552.892.631
- Trên 1 năm đến 5 năm	115.405.198.819	26.692.315.625
- Trên 5 năm	3.992.800.000	297.447.851

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm với các thông tin chi tiết như sau:

+ Hợp đồng thuê đất tại số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Tân Định và số 189 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2046 để sử dụng với mục đích đầu tư văn phòng cho thuê. Tổng diện tích các khu đất thuê là 66.527,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Hợp đồng thuê đất tại phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê từ năm 2015 đến năm 2020 để sử dụng với mục đích làm kho bãi. Tổng diện tích khu đất thuê là 64.020,7 m². Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để gia hạn thuê đất tại phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại tiền thuê đất hàng năm đang được thanh toán theo thông báo tiền thuê đất của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	137.619,20
- Đồng Euro (EUR)	200,52	200,28

d) Vàng ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
	- Vàng tiền tệ (Chỉ)	123,00

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	39.877.104.210	39.877.104.210
	39.877.104.210	39.877.104.210

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.680.515.061.681	4.155.850.455.966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.412.547.848	80.109.932.474
	5.765.927.609.529	4.235.960.388.440
	1.223.369.851.579	733.932.259.678

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	412.542.000
Hàng bán bị trả lại	1.197.266.470	88.507.965
Giảm giá hàng bán	198.118.000	-
	1.395.384.470	501.049.965

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND (Trình bày lại)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.585.449.979.789	4.106.429.370.700
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.018.100.841	37.524.131.589
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	3.250.930.936	(4.696.479.692)
	5.621.719.011.566	4.139.257.022.597
	2.603.005.218.160	1.720.986.663.690

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
Tổng giá trị mua vào:
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.120.242.871	21.010.309.193
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	27.239.517.017	13.330.643.948
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.421.143.066	2.660.649.925
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	161.744.124	-
	44.942.647.078	37.001.603.066
	20.060.630.068	6.972.602.487

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.490.358.088	21.070.400.410
Chi phí Upas LC	-	4.093.546.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	40.495.870	4.330.582.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.312.635
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	2.175.622.957	(4.147.048.272)
Chi phí tài chính khác	308.092.270	264.125.020
	36.014.569.185	25.615.918.407

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	346.082.385	492.094.363
Chi phí nhân công	32.545.196.598	24.805.074.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.039.137.323	3.595.433.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.255.842.074	15.463.649.051
Chi phí khác bằng tiền	10.475.683.498	7.885.341.600
	78.661.941.878	52.241.593.513

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	770.685.462	487.700.604
Chi phí nhân công	14.348.576.765	11.587.852.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	401.111.213	438.972.521
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	418.675.453	(2.036.356.496)
Thuế, phí, và lệ phí	122.155.282	139.984.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.329.925.050	4.060.171.856
Chi phí khác bằng tiền	10.725.275.197	5.421.489.369
	32.116.404.422	20.099.814.843

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị hàng thừa nhập kho	671.931.535	148.533.162
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	47.874.330	935.539.899
Thu nhập khác	18.459.843	25.258.291
	738.265.708	1.109.331.352

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	661.114.939	258.748.894
	661.114.939	258.748.894

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	41.040.095.855	36.097.174.639
Các khoản điều chỉnh tăng	8.520.531.937	1.304.706.898
- Chi phí không hợp lệ (phúc lợi, thù lao, phạt,...)	8.516.526.061	1.304.706.898
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	4.005.876	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.118.226.018)	(11.057.515.857)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(165.750.000)	(17.402.254)
- Chuyển lãi vay các năm trước (*)	(952.476.018)	(11.040.113.603)
Thu nhập chịu thuế TNDN	48.442.401.774	26.344.365.680
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.688.480.355	5.268.873.136
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	131.737.178	196.980.280
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(7.678.312.955)	(13.092.086.093)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.265.728.183)	(52.080.278)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	876.176.395	(7.678.312.955)

(*) Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2022	Đã thanh tra	7.468.797.111	4.255.362.410	3.213.434.701

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.219.878.322	30.631.321.223
Các khoản điều chỉnh	-	(3.835.261.274)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(3.835.261.274)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.219.878.322	26.796.059.949
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.299.999	27.299.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.144	982

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.299.446.974	1.238.049.899
Chi phí nhân công	59.907.170.981	50.942.893.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.408.910.480	8.034.158.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.425.699.584	38.222.933.311
Chi phí khác bằng tiền	21.336.543.669	13.463.861.551
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	418.675.453	(2.036.356.496)
	143.796.447.141	109.865.539.945

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	14.210.343.000	14.210.343.000
	-	-	14.210.343.000	14.210.343.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	13.552.497.000	13.552.497.000
	-	-	13.552.497.000	13.552.497.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	62.748.340.491	-	-	62.748.340.491
Phải thu khách hàng, phải thu khác	435.401.492.303	55.800.000	-	435.457.292.303
Các khoản cho vay	310.000.000.000	-	-	310.000.000.000
	808.149.832.794	55.800.000	-	808.205.632.794
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	94.674.730.680	-	-	94.674.730.680
Phải thu khách hàng, phải thu khác	435.184.249.847	55.800.000	-	435.240.049.847
Các khoản cho vay	172.500.000.000	-	-	172.500.000.000
	702.358.980.527	55.800.000	-	702.414.780.527

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	854.429.558.879	-	-	854.429.558.879
Phải trả người bán, phải trả khác	356.335.574.759	28.654.706.828	-	384.990.281.587
Chi phí phải trả	5.711.884.558	-	-	5.711.884.558
	1.216.477.018.196	28.654.706.828	-	1.245.131.725.024
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	738.639.333.458	-	-	738.639.333.458
Phải trả người bán, phải trả khác	171.740.442.691	24.223.295.955	-	195.963.738.646
Chi phí phải trả	3.164.810.802	-	-	3.164.810.802
	913.544.586.951	24.223.295.955	-	937.767.882.906

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.260.225.644.799	4.308.884.209.977
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.144.435.419.378	4.100.937.744.136

38 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.679.119.677.211	85.412.547.848	5.764.532.225.059
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	90.418.766.486	52.394.447.007	142.813.213.493
Tổng chi phí mua TSCĐ	44.712.963	-	44.712.963
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.210.961.345.083	57.587.594.914	1.268.548.939.997
Tài sản không phân bổ	-	-	458.145.283.595
Tổng tài sản	1.210.961.345.083	57.587.594.914	1.726.694.223.592
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	377.255.469.254	23.570.276.483	400.825.745.737
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	911.016.081.657
Tổng nợ phải trả	377.255.469.254	23.570.276.483	1.311.841.827.394

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VSTEEL	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Vinausteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng Công ty mẹ
- Khách sạn Phương Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Chi nhánh Công ty mẹ
- Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Ông Phạm Công Thảo	Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Bá An	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên HĐQT
- Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT
- Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hà Văn Sơn	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.223.369.851.579	733.932.259.678
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	396.886.836.000	177.890.041.600
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	193.095.540	604.020.717
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	46.484.547.761	12.471.627.458
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	1.253.175.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	227.829.923.109	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	71.643.765.668	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	40.218.152.950	449.867.656
- Công ty TNHH MTV Vinausteel	112.476.545.100	163.372.094.200
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	11.592.860.501	9.591.609.697
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	23.455.939.200	61.022.340.600
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	291.335.010.750	308.530.657.750
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.603.005.218.160	1.720.986.663.690
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.726.442.692.255	940.108.969.395
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	12.850.749.000
- Công ty Tôn Phương Nam	30.732.707.613	-
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	93.774.790.400	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	644.409.658.090	685.288.478.742
- Công ty TNHH MTV Vinausteel	2.844.592.500	-
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	1.529.117.500	15.889.321.417
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	1.192.833.147	357.052.075
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	-	6.422.727.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	7.126.713.550	23.122.997.882
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	65.203.267.019	36.583.197.623
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	29.748.846.086	265.115.000
- Khách sạn Phương Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	98.055.556

	Năm 2025	Năm 2024	
	VND	VND	
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán, lãi ký quỹ	20.060.630.068	6.972.602.487	
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	20.060.630.068	6.972.602.487	
Chi trả cổ tức	12.158.192.800	12.158.192.800	
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	12.158.192.800	12.158.192.800	
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
	Năm 2025	Năm 2024	
	VND	VND	
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Phạm Công Thảo	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/04/2025)	72.000.000	-
- Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	165.013.953
- Ông Võ Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 14/04/2025)	175.200.000	790.154.200
- Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng Giám đốc	852.072.000	652.821.706
- Ông Nguyễn Bá An	Thành viên HĐQT	84.000.000	40.000.000
- Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên HĐQT	84.000.000	40.000.000
- Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	84.000.000	60.000.000
- Ông Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	20.000.000
- Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	20.000.000
- Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	773.347.200	714.447.216
- Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	766.501.822	634.094.256
- Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	578.523.833	542.683.209
- Ông Hà Văn Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	28.000.000
- Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000
- Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	14.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	603.600.000	545.600.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 482/TB-KTNN ngày 23/10/2025 của Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số (MS)	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Trình bày lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN				
IV. Hàng tồn kho	MS 140	509.514.320.854	513.370.293.072	3.855.972.218
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	MS 149	(38.911.886.870)	(35.055.914.652)	3.855.972.218
B . TÀI SẢN DÀI HẠN				
V. Đầu tư tài chính dài hạn	MS 250	15.938.199.774	19.071.748.272	3.133.548.498
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	MS 254	(21.061.800.226)	(17.928.251.728)	3.133.548.498
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	MS 270	1.359.529.590.831	1.366.519.111.547	6.989.520.716
C . NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	MS 310	931.061.429.259	932.988.037.242	1.926.607.983
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	MS 313	152.396.068	2.079.004.051	1.926.607.983
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Vốn chủ sở hữu	MS 410	404.244.865.617	409.307.778.350	5.062.912.733
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	MS 421	29.810.674.790	34.873.587.523	5.062.912.733
+ LNST chưa phân phối năm nay	MS 421b	25.568.408.490	30.631.321.223	5.062.912.733
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	MS 440	1.359.529.590.831	1.366.519.111.547	6.989.520.716
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
- Giá vốn hàng bán	MS 11	4.143.112.994.815	4.139.257.022.597	(3.855.972.218)
- Chi phí tài chính	MS 22	28.749.466.905	25.615.918.407	(3.133.548.498)
- Chi phí bán hàng	MS 25	51.580.713.713	52.241.593.513	660.879.800
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	MS 50	29.768.533.723	36.097.174.639	6.328.640.916
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	MS 51	4.200.125.233	5.465.853.416	1.265.728.183
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	MS 60	25.568.408.490	30.631.321.223	5.062.912.733

Mã số (MS)	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Trình bày lại	Chênh lệch
	VND	VND	VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Lợi nhuận trước thuế	MS 01	29.768.533.723	36.097.174.639	6.328.640.916
- Các khoản dự phòng	MS 03	(3.890.363.744)	(10.879.884.460)	(6.989.520.716)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	MS 11	(127.582.913.493)	(126.922.033.693)	660.879.800



Lê Thúy Hằng
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, 20 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
KIM KHÍ
TP. HỒ
CHÍ MINH
VNSTEEL

Digitally signed
by CÔNG TY
CỔ PHẦN KIM
KHÍ TP. HỒ CHÍ
MINH -
VNSTEEL
-Date:
2026.03.24
17:58:49+07'00'

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Lê Văn Quang